

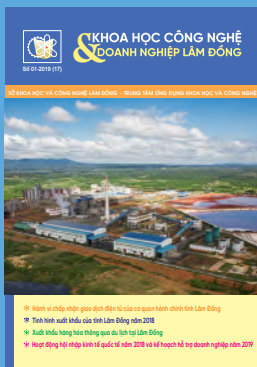
Số 01-2019 (17)

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



- ✿ **Hành vi chấp nhận giao dịch điện tử của cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng**
- ✿ **Tình hình xuất khẩu của tỉnh Lâm Đồng năm 2018**
- ✿ **Xuất khẩu hàng hóa thông qua du lịch tại Lâm Đồng**
- ✿ **Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế năm 2018 và kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp năm 2019**



KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 01-2019

TRONG SỐ NÀY

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG - TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Số 35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt - Điện thoại: 0263.3545479 - Email: trungtamthongtinld@gmail.com - Website: lamdongdost.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Đỗ Minh Ngọc

Biên tập

Nguyễn Như Chương

Phạm Thị Nhâm

Nguyễn Hồng Ngọc

Trần Vũ Uyên Phương

Nguyễn Thị Đỗ Quyên

Trình bày:

Trung tâm Ứng dụng

KH&CN Lâm Đồng

Ảnh bìa:

Công ty TNHH MTV

Nhóm Lâm Đồng

CHÍNH SÁCH - ĐỊNH HƯỚNG

- Nguyễn Văn Lâm** - Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đo lường và hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương phục vụ phát triển kinh tế
- Tình hình xuất khẩu của tỉnh Lâm Đồng năm 2018
- Nhật Quân** - Xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du lịch tại Lâm Đồng
- Hồ Quang Thanh** - Hành vi chấp nhận giao dịch điện tử của cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng
- Các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (tiếp theo)

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- Nguyễn Thị Lê Na** - Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế năm 2018 và kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp năm 2019
- Nguyễn Thị Thanh Tâm** - Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng năm 2019
- Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2019
- Thực trạng ngành hoa Lâm Đồng dưới góc nhìn của các chợ đầu mối ba miền Bắc, Trung, Nam
- Công nghệ mới, sản phẩm mới
- Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- Huỳnh Lê Thục Cơ** - Đầu tư khoa học công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng - Ladophar
- Hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật góp phần hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc

DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- Phạm Văn Đạt** - Giải thưởng chất lượng quốc gia - cơ hội đổi mới và sáng tạo

Giấy phép xuất bản số 06/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông Lâm Đồng cấp ngày 20.02.2019

Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt.

Số lượng: 700 bản. Khổ 19x27 cm. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4.2019



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG VÀ HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TẠI ĐỊA PHƯƠNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NGUYỄN VĂN LÂM

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Hoạt động đo lường ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm và áp dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhân kỷ niệm 69 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 08/SL về thống nhất chế độ đo lường (20/01/1950-20/01/2019), chủ đề “*Hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế*” được đưa ra để thảo luận nhằm tìm kiếm các giải pháp hiệu quả trong thời gian tới. Mục tiêu hướng đến phát triển hạ tầng đo lường quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng hội nhập quốc tế và nhu cầu đảm bảo đo lường chính xác phục vụ hoạt động của doanh nghiệp, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam và quy hoạch phát triển của các bộ, ngành, địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên; xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình bảo đảm đo lường tại doanh nghiệp; hoạt động đo lường gắn chặt với hoạt động của doanh nghiệp; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực trong xã hội để đóng góp vào công cuộc phát triển hoạt động đo lường, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến sâu rộng về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp; xây dựng và áp dụng hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia trong đánh giá các lĩnh vực đo lường, thực hiện chuẩn hóa năng lực, hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Trong những năm qua, hoạt động đo lường được triển khai khá hiệu quả tại Lâm Đồng, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế hội nhập và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kết quả ghi nhận trên tất cả các mặt như sau:

- Công tác tổ chức phổ biến, tuyên truyền được chú trọng. Hàng năm, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và các quy định hiện hành liên quan trong lĩnh vực đo lường được tuyên truyền, phổ biến dưới nhiều hình thức.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực và đầu tư trang thiết bị được quan tâm. Tỉnh Lâm Đồng đã đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và trình độ chuyên môn; không ngừng nâng cao năng lực quản lý, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường; đầu tư trang thiết bị, chuẩn đo lường phục vụ công tác kiểm định và mở rộng các lĩnh vực được chỉ định; trang bị một số cân đối chứng tại các chợ, trung tâm thương mại lớn để phát huy vai trò tự giám sát của nhân dân.

- Hiện nay, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng đã và đang rà soát, cập nhật khoảng 528.702 phương tiện đo đang được sử dụng trên toàn tỉnh, với 31/59 loại phương tiện đo bắt buộc phải kiểm định trong danh mục phương tiện đo nhóm 2.

- Chủ trì, phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện/thành phố, Công an tỉnh, Chi cục Quản lý thị trường tiến hành thanh, kiểm tra các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh xăng - dầu, khí dầu mỏ hòa lỏng, mũ bảo hiểm, thiết bị điện - điện tử, đồ chơi trẻ em, hàng đóng gói sẵn, vàng trang sức mỹ nghệ, kết sắt, rượu. Các trường hợp vi phạm đã được xử lý kịp thời.

Nhìn chung, hoạt động quản lý phương tiện đo trên địa bàn tỉnh cơ bản đã đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, góp phần đảm bảo công bằng, hạn chế tình trạng gian lận về đo lường, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, đến nay, hoạt động quản lý đo lường đối với một số phương tiện đo còn gặp nhiều khó khăn như vẫn còn tình trạng gian lận về đo lường trong kinh doanh bán lẻ; một lượng không nhỏ cân thông dụng các loại được sử dụng trong kinh doanh, buôn bán nhỏ ở các chợ tại một số địa phương chưa được kiểm định định kỳ theo quy định; các tổ chức kiểm định tại địa phương chưa đủ năng lực để thực hiện kiểm định một số phương tiện đo nhóm 2 sử dụng trong chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, các lĩnh vực đo



hiệu quả, hóa lý, điện - điện tử, âm thanh, rung động, quang học. Nguồn lực cho công tác quản lý còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp thời.

Để nâng cao chất lượng công tác quản lý, đẩy lùi tình trạng gian lận và thúc đẩy hoạt động đo lường, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng cạnh tranh và hội nhập, trong thời gian tới, trên địa bàn tỉnh cần triển khai đồng bộ, hiệu quả một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực đo lường bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tiễn để các tổ chức, cá nhân nâng cao ý thức tuân thủ quy định của pháp luật về đo lường, thực hiện kiểm định phương tiện đo đúng quy định, sử dụng phương tiện đo đúng mục đích, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, kinh doanh.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh, kiểm tra trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Tăng cường trao đổi, nắm bắt thông tin, đảm bảo đầy đủ thông tin về các loại phương tiện đo đang được sử dụng trên địa bàn tỉnh, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong quá trình thực thi nhiệm vụ, kịp thời ngăn chặn các hành vi gian lận về đo lường. Hoạt động thanh, kiểm tra phải tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, cơ sở đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thứ ba, tăng cường phối hợp với các địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường, trong đó phát huy vai trò, trách nhiệm của UBND cấp huyện trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đo lường; chủ trì, phối hợp thanh, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về đo lường theo quy định; hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực, trách nhiệm và hiệu lực quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng hàng hóa, nhãn hàng hóa của UBND cấp huyện, Ban Quản lý các chợ, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, góp phần ngăn chặn các hành vi gian lận về đo lường, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về đo lường, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng, đảm bảo công bằng xã hội.

Thứ tư, khảo sát các doanh nghiệp về hoạt động đo lường và tình hình sử dụng, quản lý phương tiện đo; đề xuất các biện pháp phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng cạnh tranh và hội nhập. ■

Năm 2018, tình hình xuất khẩu của tỉnh Lâm Đồng tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá. Tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh được 661 triệu USD, đạt 105% so với kế hoạch và tăng 19,8% so với năm 2017.

Về cơ cấu xuất khẩu hàng hóa: nhóm hàng nông sản chiếm tỷ trọng cao nhất (48%); nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm 39%; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 13%.

Về thị trường xuất khẩu: nhóm hàng nông sản chủ yếu xuất sang Nhật Bản, Đài Loan, các nước thuộc Liên minh châu Âu; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản (chủ yếu là Alumin) được xuất sang Trung Quốc, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Ấn Độ, Hàn Quốc, Dubai; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp xuất sang Mỹ, các nước khối EU, Nhật Bản, Ấn Độ.

Về doanh nghiệp xuất khẩu: toàn tỉnh hiện có 150 doanh nghiệp xuất khẩu; trong đó, có 40 doanh nghiệp FDI.

Tình hình xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh

1. Nhóm hàng nông sản

Năm 2018, nhóm hàng nông sản đạt giá trị xuất khẩu là 317 triệu USD, chiếm 48% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

1.1. Cà phê

Cà phê là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong nhóm hàng nông sản; là mặt hàng đóng góp giá trị xuất khẩu lớn thứ 2 trong cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu của tỉnh, chỉ sau Alumin.

Năm 2018, xuất khẩu cà phê nhân đạt 110 ngàn tấn với tổng giá trị là 183 triệu USD, chiếm 28% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; 59% giá trị xuất khẩu của nhóm hàng nông sản. So với năm 2017, sản lượng cà phê tăng không đáng kể (khoảng 1,7%); đồng thời, do giá cà phê thế giới sụt giảm nên kim ngạch xuất khẩu cà phê không tăng.

Cà phê có thị trường khá đa dạng, được xuất khẩu sang các châu lục, nhưng tập trung vào 3 thị trường chính là: khu vực Đông Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), các nước khối EU (Đức, Ý, Anh, Tây Ban Nha) và Mỹ.

Hiện nay, khoảng 80% sản lượng cà phê của tỉnh được các tập đoàn đa quốc gia như Olam,



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2018

Sở Công thương Lâm Đồng

Louis Dreyfus, Nestlé thu mua; khoảng 20% được chế biến và xuất khẩu trực tiếp bởi một số công ty chế biến cà phê khác, như: Công ty TNHH Thương phẩm Atlantic Việt Nam, Công ty TNHH Mercafe Agri Products, Công ty CP XNK Cà phê Đà Lạt (Vinacafe Đa Lạt), Công ty TNHH Hương Bản, Công ty TNHH Hồ Phương,...

Đối với cà phê hòa tan, năm 2018, Công ty TNHH Cà phê Midas (Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Bảo Lộc) đã xuất khẩu sang Myanmar và Hàn Quốc. Tuy nhiên, số lượng xuất khẩu rất nhỏ, khoảng 25 tấn, giá trị đạt 26.000 USD.

1.2. Chè

Năm 2018, chè Lâm Đồng xuất khẩu đạt 15 ngàn tấn và thu về 34,5 triệu USD, tăng 22% sản lượng và 23% giá trị so với năm 2017. Kim ngạch xuất khẩu chè chiếm khoảng 5% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và 11% kim ngạch nông sản xuất khẩu. Chè chế biến xuất khẩu gồm: chè Oolong, chè xanh, chè lên men và chè sơ chế (lên men 1 phần).

Thị trường xuất khẩu chè không đa dạng, chủ yếu là Đài Loan (chè Oolong và chè sơ chế); Afghanistan và Pakistan (chè xanh). Ngoài ra, còn có Nga, Mỹ.

Doanh nghiệp xuất khẩu chè đang có sự dịch chuyển từ doanh nghiệp khối FDI sang các công ty 100% vốn trong nước, như Công ty TNHH Chè Vina Suzuki, Công ty TNHH King Wan Chen Việt Nam, Công ty TNHH Liên doanh Phú Sơn, Công ty TNHH Chế biến Trà Trân Nam Việt, DNTN Trà và Cà phê Phương Nam, Công ty CP Chè Phong Giang,...

1.3. Hoa

Hoa là một trong 33 mặt hàng có sự tăng trưởng lớn về số lượng và giá trị, tăng gần 12% so với năm 2017; là mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao của tỉnh, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản và 7% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Năm 2018, tỉnh Lâm Đồng xuất khẩu 325 triệu cành hoa, với giá trị đạt 48,8 triệu USD.

Hoa xuất khẩu gồm hoa cắt cành, hoa chậu như hồng, cẩm chướng, cúc, lily, cát tường, lan Hồ điệp, Vũ nữ và lá trang trí.

Thị trường xuất khẩu khá đa dạng, đứng đầu là các nước Đông Á (Nhật Bản, Đài Loan, Trung



Quốc, Hàn Quốc), tiếp theo là châu Úc (Australia), châu Âu (Hà Lan, Đan Mạch, Bỉ, Nga) và khu vực ASEAN (Singapore, Thái Lan, Indonesia).

Doanh nghiệp xuất khẩu hoa lớn chủ yếu là các doanh nghiệp FDI, như: Công ty TNHH Dalat Hasfarm, Công ty TNHH Apollo, Công ty TNHH Hoa Mặt trời, Công ty TNHH Hoa Trường Xuân.

1.4. Rau

Năm 2018, rau các loại xuất khẩu đạt 11 ngàn tấn (tăng 2,4% so với năm 2017), thu về 27,5 triệu USD, chiếm 4% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Rau xuất khẩu chủ yếu là khoai lang, bí đỏ, ớt chuông, bắp ngọt, cà rốt, khoai từ, khoai mỡ, rau bó xôi, bắp cải, hành poireau,...

Thị trường xuất khẩu chính là Đông Á (Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc, Hồng Kông, Hàn Quốc), EU (Anh, Hà Lan, Pháp, Bỉ), Mỹ, ASEAN (Singapore, Malaysia).

Tình hình xuất khẩu rau - củ - quả các loại năm 2018 không có nhiều biến động so với các năm trước do Lâm Đồng không có nhiều doanh nghiệp chế biến rau - củ - quả; đồng thời, quy mô của các công ty cũng không lớn. Các đơn vị chế biến rau - củ - quả cấp đông hiện có gồm Công ty TNHH Thực phẩm Đà Lạt - Nhật Bản, Công ty CP Chế biến Thực phẩm Đà Lạt Tự Nhiên, Công ty TNHH An Vạn Thịnh, Công ty TNHH Thụy Hồng Quốc tế, Công ty CP Nông Sản Thực phẩm Lâm Đồng, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Hàng ngày, Công ty CP Viên Sơn, Công ty TNHH



Thực phẩm Asuzac Đà Lạt, Công ty TNHH Cung ứng Nông nghiệp Lâm Đồng, Công ty TNHH Rau Nhà Xanh.

2. Nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản

Trong năm 2018, nhóm hàng này với 2 mặt hàng chính là Alumin và Hydroxit nhôm đã có sự tăng trưởng mạnh, đạt 650 ngàn tấn và 261 triệu USD, tăng 16,6% sản lượng và 50,5% giá trị; chiếm 39% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Xuất khẩu Alumin và Hydroxit nhôm do Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng thực hiện. Thị trường xuất khẩu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Dubai, Hồng Kông, Thụy Sĩ, Thái Lan.

3. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp

Kim ngạch xuất khẩu của nhóm công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp chiếm 13% tổng giá trị xuất khẩu toàn tỉnh, gồm các mặt hàng tơ, lụa và sản phẩm dệt may, trong năm 2018, đạt 83 triệu USD.

Nếu mặt hàng tơ và lụa có sự tăng trưởng mạnh thì sản phẩm dệt may trong xu hướng giảm (giảm gần 16% giá trị so với năm 2017 và đây là sản phẩm xuất khẩu chủ lực có sự suy giảm nhiều nhất trong năm 2018).

Thị trường chính của các sản phẩm dệt may Lâm Đồng là các nước châu Âu (Anh, Đức, Cộng hòa Sec); châu Mỹ (Mỹ, Canada); Đông Á (Hàn Quốc, Nhật Bản); châu Úc (New Zealand). Thị trường xuất khẩu lụa là Nhật Bản; tơ chủ yếu xuất sang Ấn Độ.

Xuất khẩu sản phẩm dệt may chủ yếu do các công ty có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện như: Công ty TNHH Đà Lạt Apex, Công ty TNHH Merkava Việt Nam, Công ty TNHH May Royal Family, Công ty TNHH Young Shin Vina,... Riêng lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu tơ, lụa hầu như do các công ty trong nước thực hiện như: Công ty TNHH Xe tơ - Dệt lụa Hà Bảo, Công ty TNHH Dệt tơ tầm Việt Silk, Công ty Cổ phần Tơ Lụa Đông Lâm,...

Đánh giá

Sự tăng trưởng xuất khẩu năm 2018 được đánh dấu bởi 3 sản phẩm chủ lực là Alumin, chè và hoa tươi các loại. Ngược lại, một số mặt hàng như sản phẩm dệt may và đặc biệt là hạt điều lại giảm sâu về sản lượng và giá trị xuất khẩu. Ngoài ra, giá xuất khẩu cà phê có nhiều biến động trong năm vừa qua, nhất là vào những tháng cuối năm

nên xuất khẩu cà phê không tăng so với năm 2017. Tuy nhiên, cà phê và Alumin vẫn là 2 mặt hàng có đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; trong đó, Alumin là động lực tăng trưởng chính.

Xuất khẩu chủ yếu vẫn tập trung ở các thị trường truyền thống, chưa phát triển thêm được nhiều thị trường mới. Số lượng doanh nghiệp xuất khẩu cũng tăng không đáng kể.

Điểm yếu máu chốt của xuất khẩu Lâm Đồng vẫn là: hầu hết các mặt hàng xuất khẩu đều chưa xây dựng được thương hiệu riêng; các mặt hàng chủ yếu là xuất khẩu thô; năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu trong tỉnh còn yếu, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân; quy mô doanh nghiệp nhỏ, hạn chế về tài chính nên khó mở rộng thị trường xuất khẩu.

Kiến nghị

- Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín được Bộ Công thương công nhận, khó khăn lớn nhất hiện nay là vốn, do đó, cần có các chính sách ưu đãi trong việc vay tín dụng.

- Trong năm 2018, Bộ Công thương đã có nhiều chương trình hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu như: xúc tiến thương mại ở nước ngoài, phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ thiết kế phát triển sản phẩm,... cùng sự hỗ trợ và kết nối từ các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài. Các chương trình này đang ngày càng có hiệu quả và nhận được sự quan tâm của doanh nghiệp trong tỉnh. Do đó, cần tiếp tục duy trì, phát triển và truyền thông các chương trình này nhiều hơn nữa. Các Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đưa các nhà nhập khẩu và phân phối ở nước ngoài về nước để kết nối giao thương cũng như tìm hiểu cơ hội hợp tác liên doanh.

- Do quy mô và năng lực sản xuất của các doanh nghiệp trong tỉnh nhỏ nên việc mở rộng thị trường rất khó. Việc liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực sản xuất cũng như phát triển thị trường nước ngoài. Do đó, cần chú trọng thu hút các doanh nghiệp nước ngoài liên doanh với doanh nghiệp trong tỉnh bên cạnh việc tập trung thu hút đầu tư các dự án mới.

- Xây dựng thương hiệu địa phương giúp nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, do đó việc xây dựng thành công thương hiệu "Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành" góp phần hỗ trợ hiệu quả hoạt động xuất khẩu nông sản Lâm Đồng. ■



XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TẠI CHỖ THÔNG QUA DU LỊCH TẠI LÂM ĐỒNG

NHẬT QUÂN

Với điều kiện hội nhập kinh tế hiện nay, thay vì xuất khẩu ra nước ngoài, các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất sẽ xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du khách, dựa trên nhu cầu mua sắm của mỗi du khách. Với thương hiệu du lịch, Đà Lạt - Lâm Đồng có thể thực hiện xuất khẩu hàng hóa tại chỗ một cách rộng rãi ở các điểm đến du lịch và thu ngoại tệ nhờ vào việc nâng tầm các sản phẩm đặc trưng của địa phương.

Ý tưởng mở thú vị

Xuất khẩu hàng hóa tại chỗ là hoạt động tiêu dùng vẫn diễn ra hàng ngày của du khách khi đi du lịch và tham quan các thắng cảnh. Đó đơn giản là việc mua thức ăn, đồ uống, hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ, gốm sứ, tranh nghệ thuật, quần áo, giày dép, túi xách, thực phẩm khô, chế biến, hoa quả... để sử dụng tại chỗ hoặc mang về.

Các sản phẩm được ưa chuộng nhất để mang về sau chuyến du lịch tại Việt Nam thường là những sản phẩm khác lạ, có tính lưu niệm hoặc có giá trị sử dụng, không phân biệt trọng lượng, kích cỡ nhưng dễ kiểm duyệt hải quan tại sân bay như: lụa tơ tằm, thổ cẩm, gốm sứ, đồ giả cổ, tranh tượng nghệ thuật, áo dài, ví...

Tiềm năng du lịch của Đà Lạt - Lâm Đồng với các sản phẩm đặc trưng của địa phương là điều kiện thuận lợi để phát triển xuất khẩu hàng hóa tại chỗ như: rau, hoa, chè, cà phê, ca cao, mắc ca, rau củ sấy, mứt trái cây, lụa tơ tằm, tranh thêu, tranh gỗ, hoa tươi sấy khô, khăn thổ cẩm... Các sản phẩm, hàng hóa này vừa có giá trị sử dụng, vừa mang tính đặc trưng khác biệt của địa phương mà ít nơi nào có được.

Bên cạnh đó, nhiều sản phẩm của Lâm Đồng mang đặc trưng riêng và đã xây dựng được thương hiệu như Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Chè Cầu Đất, Chuối Laba, Dứa Cayene, Tơ lụa Bảo Lộc...; được canh tác theo hướng ứng dụng công nghệ cao kết hợp với loại hình du lịch canh nông.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2018, lượng khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt trên 15 triệu lượt, tăng 19,9% so với năm 2017, chủ yếu là đi đường hàng không. Doanh thu từ bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt hơn 4 triệu tỷ đồng, tăng gần 12%; trong đó, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt hơn 500 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,3% tổng mức và tăng 9,1%;

doanh thu du lịch lữ hành ước đạt hơn 40 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 14,1% so với năm 2017.

Như vậy, dù lượng du khách đến Việt Nam tăng cao, nhưng mức tăng của doanh thu từ dịch vụ du lịch lại không cao.

Tác động trong quảng bá, thu hút khách du lịch

Xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du khách giúp người bán không phải làm thủ tục hải quan, thuê đơn vị vận chuyển, mua bảo hiểm,... Như vậy, du khách nước ngoài chính là đối tượng chủ yếu của hoạt động này thông qua mua các sản phẩm đặc sản, hàng thủ công mỹ nghệ ở những nơi họ đi qua hoặc các mặt hàng miễn thuế tại cửa khẩu, sân bay... Hoạt động mua sắm, tiêu dùng trong quá trình du lịch đã kích thích sự phát triển và lưu thông một số loại hàng hóa mang tính truyền thống, có tính đặc trưng riêng. Do đó, việc xuất khẩu hàng hóa tại chỗ còn góp phần





quảng bá sản phẩm, văn hóa đặc sắc của địa phương ra thế giới.

Dịch vụ bán lẻ là một phần quan trọng và không thể tách rời khỏi dịch vụ du lịch. Lâm Đồng cùng với sự phát triển của du lịch và sự gia tăng lượng khách du lịch, ngày càng có nhiều cửa hàng bán lẻ dưới nhiều hình thức được hình thành, đáp ứng nhu cầu của du khách, như L'ang Farm, Ngọc Duy...; hay các điểm bán hàng ngay tại cơ sở sản xuất, như: Cường Hoàn Silk, Trà Long Đình, Cầu Đất Farm, Cà phê Là Việt, XQ Sử quán...

Điển hình, Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất Tơ - Lụa và Dịch vụ du lịch Cường Hoàn (Cường Hoàn Silk), tại thị trấn Nam Ban (huyện Lâm Hà), có quy trình sản xuất khép kín từ khâu ươm tơ, dệt lụa, tẩy, nhuộm màu, may, thêu tranh lụa..., với các sản phẩm: tơ các loại, lụa tơ tằm, quần áo và các thành phẩm từ lụa, tranh thêu tay... Mỗi năm, Cường Hoàn Silk đón gần 40.000 lượt khách quốc tế và trong nước đến tham quan, trong đó, có khoảng 70% là khách quốc tế, nhưng chỉ có 5% lượng khách đến tham quan có mua sắm tại chỗ.

Theo ông Phạm Văn Cường, chủ doanh nghiệp Cường Hoàn Silk, hàng hóa bán cho khách nước ngoài phải là sản phẩm hiếm, độc đáo, tinh tế, gọn nhẹ, mang tính truyền thống và có giá trị sử dụng, thường không ảnh hưởng đến quy định hàng cấm và cân nặng khi đi qua cửa khẩu hay sân bay; đồng thời, phải là sản phẩm được trau chuốt kỹ lưỡng, đạt đến độ tinh xảo và không phải là hàng hóa được bày bán tràn lan. Nếu có thể phát triển theo hướng xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du lịch, riêng đối với ngành dâu tằm tơ, sẽ tạo động lực để giá kén ổn định, tạo thu nhập tốt cho người trồng dâu, nuôi tằm; góp phần giữ vững nghề ươm tơ, dệt lụa truyền thống và phát triển du lịch.

Những vấn đề đặt ra

Hiện nay, các sản phẩm mang tính đặc trưng, tinh xảo đáp ứng nhu cầu của khách quốc tế ở Việt Nam còn rất hạn chế. Rất nhiều hàng hóa, sản phẩm bày bán ở các cửa hàng đặc sản, quầy hàng lưu niệm nhưng không rõ nguồn gốc, xuất xứ. Với những hàng hóa đã có tên tuổi và uy tín phải đối mặt với các vấn đề về thương hiệu, hàng giả, hàng kém chất lượng.

Tại tỉnh Lâm Đồng, rất nhiều hàng đặc sản, rau, củ nhập từ nơi khác được dán nhãn Đà Lạt. Điển hình, nhãn hàng K'Ho Coffee ở buôn Bonneur C (huyện Lạc Dương) thường được

khách nước ngoài ghé thăm và uống thử. Đây là doanh nghiệp sản xuất cà phê với tiêu chí tuyển chọn từng hạt chất lượng, canh tác sạch, thu hái ở thời điểm thích hợp để có sản phẩm cà phê chất lượng tốt nhất; hàng năm, doanh nghiệp mang hạt cà phê ra nước ngoài để chấm điểm... Nhưng, nhãn hàng K'Ho Coffee mất nhiều năm để hoàn thiện hồ sơ bảo hộ thương hiệu vì sản phẩm liên tục bị làm nhái và bị khách hàng phàn nàn về chất lượng.

Bên cạnh đó, hiện nay, hệ thống văn bản pháp quy của Việt Nam chưa có quy định cụ thể về xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du lịch, mà chỉ có các quy định xuất, nhập khẩu hàng hóa tại chỗ giữa các doanh nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất. Năm 2007, Tổng cục Du lịch đã tổ chức Hội thảo "*Chính sách khuyến khích xuất khẩu tại chỗ qua du lịch*", nhưng chỉ dừng ở mức trao đổi về hệ thống pháp lý và chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm và dịch vụ du lịch.

Với điều kiện hiện nay, khi du lịch được xác định là ngành công nghiệp không khói mũi nhọn và lượng du khách đến Việt Nam ngày càng tăng, các sản phẩm đặc sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng miễn thuế... tại nơi khách đến tham quan, các làng nghề, trạm dừng chân, sân bay... sẽ là các món hàng thu hút sự quan tâm của du khách. Vì vậy, giải pháp chung cho tăng thu dịch vụ du lịch là làm sao để du khách chi tiêu nhiều hơn, ở lại lâu hơn, quay lại sớm hơn và có ấn tượng tốt hơn về du lịch Việt Nam. Muốn vậy, ngoài các giải pháp khuyến khích, kích cầu và phát triển du lịch, cần có thêm các giải pháp hiệu quả thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du lịch như xây dựng, ban hành các chính sách về hoàn thuế giá trị gia tăng cho du khách nước ngoài tại Việt Nam, các chính sách hải quan quy định rõ các loại hàng hóa không được mang ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Ngoài ra, cần có các chính sách khuyến khích phát triển làng nghề; giảm thuế cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phục vụ du khách quốc tế; chính sách khuyến khích nghiên cứu sản phẩm mới... Các nội dung về quy hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng và giao thông cũng là giải pháp cần thiết để kích cầu du lịch và bán hàng cho du khách... Thực hiện được các giải pháp này sẽ tạo cơ sở thực tiễn để xác định khung pháp lý và giải pháp cho xuất khẩu hàng hóa tại chỗ thông qua du lịch, để kích cầu du khách quốc tế mua hàng hóa, thu ngoại tệ và thúc đẩy doanh nghiệp địa phương phát triển. ■



HÀNH VI CHẤP NHẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH TỈNH LÂM ĐỒNG

HỒ QUANG THANH

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lâm Đồng

Nghiên cứu này tham chiếu theo Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (Unified Theory of Acceptance and Use of Technology - UTAUT) của Venkatesh, Morris, Davis & Davis (2003) để xây dựng và khẳng định các thành phần, yếu tố tác động đến hành vi chấp nhận giao dịch điện tử của cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng (Acceptance of E-Commerce Transfer of Lam Dong Administrative Agencies: Lamdong E-Com) và được kiểm định bằng mô hình phương trình cấu trúc (Structural Equation Modelling - SEM). Kết quả phân tích dữ liệu từ 207 cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính của tỉnh cho thấy, các thành phần gồm Hiệu suất mong đợi; Nỗ lực mong đợi; Ảnh hưởng xã hội và Điều kiện thuận lợi có quan hệ tuyến tính, gián tiếp, trực tiếp và tích cực đến hành vi chấp nhận giao dịch điện tử. Mô hình nghiên cứu giải thích được khoảng 73% hành vi chấp nhận giao dịch điện tử và từ kết quả này đưa ra khuyến nghị về giải pháp.

Giới thiệu

Giao dịch điện tử cung cấp phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính mới, sử dụng công nghệ thông tin, Internet như một công cụ đắc lực để tăng tốc độ thực hiện đạt hiệu quả, hiệu suất cao (Kane, Fichman, Gallagher, & Glaser, 2009). Chính phủ các nước đang cho thấy sự ưu tiên mạnh mẽ trong việc cung cấp các dịch vụ công thông qua Internet, đặc biệt, đây là công cụ hữu hiệu trong quản lý hành chính nhằm giảm chi phí và thời gian giao dịch giữa chính quyền với chính quyền, nhân viên, người dân và tổ chức (Ebbers, Pieterse & Noordman, 2008).

Tại Lâm Đồng, ứng dụng công nghệ thông tin, Internet trong giao dịch/tương tác giữa các cơ quan hành chính với nhau (*Government to Government: G2G*); cơ quan hành chính với công chức, viên chức (*Government to Employees: G2E*) đã được quan tâm đầu tư, triển khai thực hiện trong những năm qua nhằm hiện đại hóa quản trị nền hành chính, điều hành bộ máy hành chính công hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; cung cấp dịch vụ công tốt hơn trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông với công cụ giao thức Văn phòng điện tử (*eOffice*); năm 2018, được nâng lên cấp độ tỉnh điện tử, đồng bộ theo Mô hình kiến trúc Chính phủ điện tử/tỉnh điện tử (Bkav eGov) gồm 5 tầng chính, với triết lý lấy người sử dụng làm trung tâm. Kiến trúc 5 tầng của Bkav eGov bắt đầu từ hạ tầng truyền thông, điều hành tác nghiệp, xử lý văn bản trong nội bộ các cơ quan, sau đó kết nối liên thông liên văn phòng tạo nền tảng ứng dụng công nghệ



thông tin trong nội bộ các cơ quan, đơn vị, tiếp đến là cung cấp các dịch vụ công theo cơ chế một cửa và cuối cùng cung cấp giao diện tương tác với người dân thông qua Cổng thông tin điện tử.

Do đó, mục đích của nghiên cứu là tìm hiểu lý do tại sao cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng chấp nhận giao dịch điện tử; trình bày gợi ý chính sách, khuyến nghị giải pháp từ kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao chỉ số giao dịch điện tử của cơ quan hành chính nhà nước ở mức độ III và IV đạt 90% vào năm 2020; góp phần đáp ứng yêu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau (Chính phủ, 2011).

Lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ

Lý thuyết thống nhất về chấp nhận và sử dụng công nghệ (UTAUT) được Venkatesh, Morris,



Davis & Davis (2003) đúc kết, tích hợp các yếu tố quan trọng từ 8 lý thuyết nổi bật trước đó: (1) Lý thuyết hành động hợp lý (*Theory of Reasoned Action - TRA*) (Ajzen & Fishbein, 1980); (2) Lý thuyết dự định hành vi (*Theory of Planned Behavior - TPB*) (Ajzen, 1985); (3) Mô hình chấp nhận công nghệ (*Technology Acceptance Model - TAM*) (Davis & ctg, 1989); (4) Mô hình PC - Sử dụng máy tính cá nhân (*Model of PC Utilization - MPCU*) (Thompson & ctg, 1991); (5) Lý thuyết khuếch tán đổi mới (*Innovation Diffusion Theory - IDT*) (Rogers, 1995); (6) Kết hợp TAM và TPB (*Combined TAM and TPB: C-TAM-TPB*) (Taylor & Todd, 1995a); (7) Lý thuyết nhận thức xã hội (*Social Cognitive Theory - SCT*) (Compeau và Higgins, 1995b) và (8) Mô hình động lực (*Motivational Model - MM*) (Vallerand, 1997).

Lý thuyết UTAUT nhằm giải thích mức độ chấp nhận việc sử dụng công nghệ thông tin; đánh giá việc người dùng có thể chấp nhận các công nghệ mới và dễ tương tác với công nghệ thông tin hay không; giúp nhà quản lý, người ra quyết định đánh giá sự thành công của việc đưa công nghệ áp dụng vào tổ chức và thúc đẩy người dùng chấp nhận một hệ thống công nghệ mới.

Giả thuyết nghiên cứu

Lý thuyết UTAUT, gồm 4 khái niệm chính: Hiệu suất mong đợi (*PE*), Nỗ lực mong đợi (*EE*), Ảnh hưởng xã hội (*SI*) và Điều kiện thuận lợi (*FC*); đây là các biến độc lập có ảnh hưởng đến các biến phụ thuộc: Ý định hành vi (*BI*) và Chấp nhận/Hành vi sử dụng (*UB*) (Hình 1). Giới tính, tuổi tác, kinh nghiệm sử dụng hệ thống đã gián tiếp ảnh hưởng đến các biến phụ thuộc thông qua 4 khái niệm chính (Venkatesh, Morris, Davis & Davis, 2003).

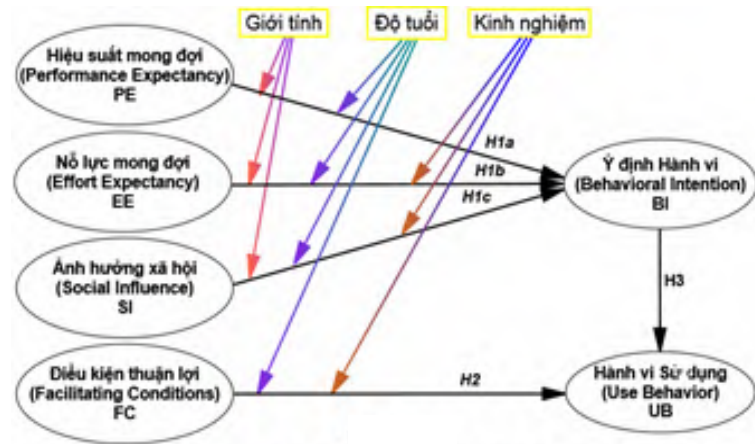
- *Hiệu suất mong đợi*: mức độ mà cá nhân tin rằng việc sử dụng hệ thống sẽ giúp họ đạt được lợi ích về hiệu suất công việc;

- *Nỗ lực mong đợi*: mức độ dễ dàng liên quan đến việc sử dụng hệ thống;

- *Ảnh hưởng xã hội*: mức độ mà cá nhân nhận thức được rằng những người quan trọng khác tin rằng họ nên sử dụng hệ thống mới;

- *Tạo điều kiện thuận lợi*: mức độ mà cá nhân tin rằng cơ sở hạ tầng, tổ chức và kỹ thuật sẵn có để hỗ trợ việc sử dụng hệ thống.

Nhiều nghiên cứu về nhận thức, hành vi chấp nhận sử dụng dịch vụ chính phủ điện tử ở các quốc gia như: nghiên cứu của Colesca và Liliana



Hình 1. Mô hình đo lường chấp nhận giao dịch điện tử (Lamdong E-Com) Nguồn: Venkatesh et al. (2003)

(2008); Belanche, Casaló, và Flavián (2012); Dahi và Ezziane (2015); Carter, Weerakkody, Phillips và Dwivedi (2016) cùng nhiều nghiên cứu khác. Ở Việt Nam, một số nghiên cứu của Nguyễn và Cao (2011), Hà và Nguyễn (2016), Hồ (2018) về Xu hướng sử dụng ngân hàng trực tuyến; Hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dùng; Mức độ sẵn sàng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến của cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;...

Do đó, trên cơ sở lý thuyết UTAUT cũng như nhiều nghiên cứu trước, các giả thuyết nghiên cứu giải thích lý do về hành vi chấp nhận giao dịch điện tử của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng được đề xuất và trình bày tại Hình 1 như sau:

Mô hình nghiên cứu gồm 6 cấu trúc với 4 cấu trúc/biến nguyên nhân: Hiệu suất mong đợi (*PE*), Nỗ lực mong đợi (*EE*), Ảnh hưởng xã hội (*SI*) và Điều kiện thuận lợi; 2 cấu trúc/biến kiểm soát với 1 biến trung gian là Ý định hành vi (*BI*) và biến mục tiêu là Hành vi sử dụng (*UB*). Trên cơ sở mô hình nghiên cứu lý thuyết được đề xuất (Hình 1), các giả thuyết từ H_{1a} , H_{1b} , H_{1c} ; H_2 và H_3 sẽ được kiểm định bằng SEM.

Khảo sát dữ liệu

Tham khảo thành phần, khái niệm, thang đo của lý thuyết UTAUT và các nghiên cứu trước để xây dựng bảng câu hỏi khảo sát và theo chuẩn lấy mẫu quốc tế hiện đại nhằm bảo đảm tính đại diện; tiến hành khảo sát ngẫu nhiên, xác suất theo quy mô cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh. Nội dung khảo sát gồm 6 thành phần với 21 câu hỏi, sử dụng thang đo dạng Likert, 7 điểm từ 1: rất không đồng ý tới 7: rất đồng ý (*Phụ lục*).



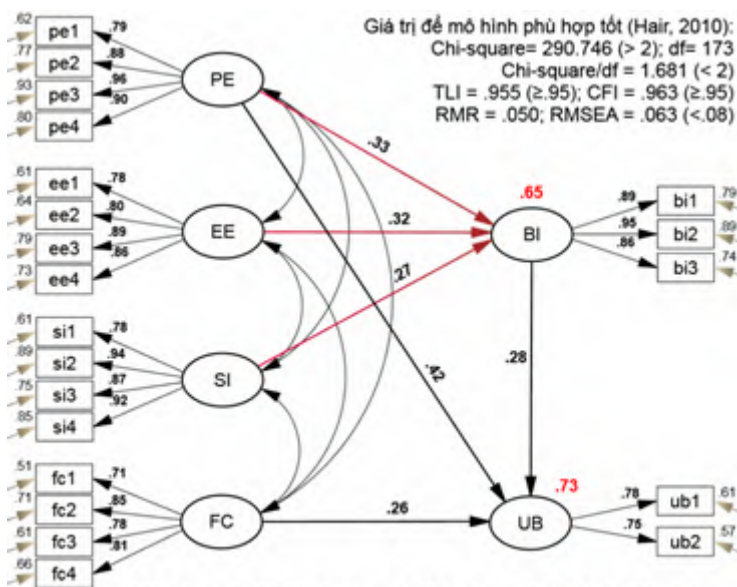
Phương pháp phân tích và kiểm định gồm: sử dụng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (*Exploratory Factor Analysis - EFA*) để đánh giá sơ bộ tính đơn hướng, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt cũng như độ tin cậy của các thang đo. Phân tích nhân tố khẳng định (*Confirmatory Factor Analysis - CFA*) được sử dụng để kiểm định tính đơn hướng, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt giữa các khái niệm nghiên cứu. Ngoài ra, cũng sử dụng phương pháp phân tích SEM để kiểm định mô hình lý thuyết về các mối quan hệ giữa các thành phần, khái niệm, phương pháp ước lượng xu hướng cực đại ML (*Maximum Likelihood*) được sử dụng để ước lượng các tham số trong mô hình lý thuyết (Hình 1) (Muthen & Kaplan, 1985).

Kết quả và phân tích

Kiểm định độ tin cậy của mẫu nghiên cứu, với các chỉ số tới hạn CR < 2,00 (p > 0,05), cho biết: mẫu đáng tin cậy, đảm bảo tính đại diện và do đó, mô hình ước lượng ML được sử dụng để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu (Jöreskog & Sörbom, 2001).

Kết quả các thang đo với 100% có phương sai giải thích ($R^2_{smc} \geq 0,51$, nghĩa là các trọng số tác động (λ_c) $\geq 0,71$ là lý tưởng (Hair, 2010; Kline, 2011), chứng minh được rằng hầu hết người được phỏng vấn hiểu được các câu hỏi và đưa ra đánh giá rõ ràng, hợp lý khi trả lời; các chỉ số thống kê cụ thể, phù hợp và có ý nghĩa (Hình 2).

Kết quả bằng chứng thực nghiệm về các mối quan hệ của các yếu tố: PE, EE, SI, FC, và BI đã



Hình 2. Mô hình SEM-Đo lường chấp nhận giao dịch điện tử (Lamdong E-com)

tác động đến biến mục tiêu Hành vi chấp nhận sử dụng (UB), đã được phát hiện và khẳng định trong nghiên cứu này (Hình 2).

Như vậy, các nội dung khảo sát đều đạt độ tin cậy, độ giá trị về khái niệm và nội dung. Đặc biệt, kết quả phân tích cho thấy các tham số về mối quan hệ giữa biến tiềm ẩn với biến quan sát và giữa các biến tiềm ẩn với nhau trong mô hình lý thuyết là rõ ràng, hợp lý, có ý nghĩa thống kê và giá trị thực tiễn (Hình 2):

(1) Các thành phần PE, EE, SI và FC gián tiếp, trực tiếp tác động và giải thích được 73% UB với trọng số tác động lần lượt là $\lambda_{C(H_{1a})}: PE \rightarrow BI = 0,33$, $\lambda_{C(H_{1b})}: EE \rightarrow BI = 0,32$, $\lambda_{C(H_{1c})}: SI \rightarrow BI = 0,27$, $\lambda_{C(H_2)}: FC \rightarrow UB = 0,26$, $\lambda_{C}: PE \rightarrow UB = 0,42$; trong đó, PE, EE, SI giải thích được 65% BI; đồng thời, BI cùng với PE và FC giải thích được 73% UB; đây là kết quả tốt (Venkatesh & ctg, 2003).

(2) Điểm trung bình về mức độ đồng ý của 6 thành phần khá cao: 5,5/7 (T-Test với Test Value = 5,5);

(3) Kết quả nghiên cứu đã khẳng định giá trị lý thuyết và giá trị thực tiễn của mô hình hành vi chấp nhận giao dịch điện tử, nghĩa là mô hình phù hợp với thực tế.

Kết luận và khuyến nghị

Khẳng định cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng chấp nhận và giao dịch điện tử theo giao thức Bkav eGov (73%) và cho biết họ có khả năng tương tác với nó khá tốt.

Đóng góp chính của nghiên cứu

Về khoa học

Trên cơ sở UTAUT đã xây dựng và kiểm định sự phù hợp của mô hình lý thuyết về mối quan hệ giữa các thành phần PE, EE, SI, FC, BI, UB và giải thích được lý do về hành vi chấp nhận giao dịch điện tử của cán bộ, công chức trong các cơ quan hành chính tỉnh Lâm Đồng (Hình 2).

Về thực tiễn

- Có cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng một hệ thống giải pháp nhằm tăng cường các thành phần, yếu tố tác động đến hành vi sử dụng tự giác, dẫn đến thói quen sử dụng một cách bình thường/mặc định.

- Kết quả chỉ ra rằng, nếu tăng chất lượng nội dung của các thành phần, yếu tố trên sẽ từng bước nâng cao ý thức trách nhiệm, thói quen giao dịch điện tử trong xử lý công việc rất hiệu quả.



Khuyến nghị về giải pháp

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, khuyến nghị hệ thống giải pháp nhằm tăng cường, nâng cao mức độ chấp nhận giao dịch điện tử của cơ quan hành chính như sau:

- Đáp ứng tốt các tiêu chí về hệ thống giao dịch điện tử (PE, EE, SI, FC): thiết kế trang mạng giao dịch trực tuyến (Bkav eGov); độ tin cậy; Sự hồi đáp, trả lời của cơ quan chức năng; an ninh mạng; chất lượng internet; tương tác giữa người sử dụng; tính thuận tiện khi sử dụng; đặc điểm riêng có; thỏa mãn người sử dụng và tính hữu ích cao.
- Luôn cập nhật mới, đầy đủ thông tin về các quy định; hướng dẫn quy trình, thủ tục đơn giản; cải thiện tính năng sử dụng, thao tác đơn giản, dễ thực hiện (EE).
- Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ cơ quan quản trị hệ thống trực tuyến của tỉnh: sẵn sàng đáp ứng và giải quyết tốt yêu cầu, tạo

sự tin tưởng cho người sử dụng; trang bị đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật cho đội ngũ thực hiện dịch vụ công trực tuyến (FC).

- Định kỳ kiểm tra, đánh giá Bkav eGov để cải thiện, nâng cấp kịp thời, chú trọng vào các thành phần EE và SI, đảm bảo dễ thao tác/vận hành, sử dụng của Bkav eGov; tăng cường, khuyến khích sử dụng giao dịch điện tử, từ đó tạo sự ảnh hưởng đến người dùng; đồng thời, tạo sự tươi trẻ, mới lạ, hấp dẫn, thân thiện và thu hút.
- Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng cứng và mềm về công nghệ thông tin; dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, Internet để cung cấp và ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến.
- Đặc biệt, để nâng cao nhận thức người sử dụng, cần chỉ ra những lợi ích của nó bằng cách nâng cao giá trị sử dụng và tính hữu ích (PE); nhân tố này tác động kép đến BI ($\lambda_c = 0,33$) và UB ($\lambda_c = 0,42$), nghĩa là PE có tác động rất mạnh đến hành vi sử dụng (UB). ■

Phụ lục. Thang đo hành vi chấp nhận giao dịch điện tử

Thang đo	Ký hiệu	Thang đo	Ký hiệu
Hiệu suất mong đợi (Performance Expectancy)	PE	Điều kiện thuận lợi (Facilitating Conditions)	FC
Tôi thấy khi sử dụng Bkav eGov thì hữu ích trong công việc của tôi	pe1	Tôi có đủ trang thiết bị cần thiết để sử dụng Bkav eGov	fc1
Sử dụng Bkav eGov cho phép tôi thực hiện các tác vụ nhanh hơn	pe2	Tôi có kiến thức cần thiết để sử dụng Bkav eGov	fc2
Sử dụng Bkav eGov làm tăng năng suất làm việc của tôi	pe3	Với các nguồn lực, cơ hội và kiến thức cần thiết để sử dụng Bkav eGov, tôi sẽ dễ dàng sử dụng chúng	fc3
Khi sử dụng Bkav eGov, tôi sẽ tăng cơ hội để hoàn thành tốt nhiệm vụ	pe4	Tôi có đủ kinh nghiệm Internet để sử dụng Bkav eGov	fc4
Nỗ lực mong đợi (Effort Expectancy)	EE	Ý định hành vi (Behavioral Intention)	BI
Sự tương tác với Bkav eGov thì rõ ràng và dễ hiểu	ee1	Tôi sẽ sử dụng Bkav eGov thường xuyên như hiện tại	bi1
Thật dễ dàng để tôi thành thạo hơn khi sử dụng Bkav eGov	ee2	Sẵn sàng sử dụng Bkav eGov	bi2
Tôi thấy Bkav eGov dễ sử dụng	ee3	Khuyến những người khác cùng sử dụng Bkav eGov	bi3
Học cách vận hành Bkav eGov rất dễ dàng đối với tôi	ee4		
Ảnh hưởng xã hội (Social Influence)	SI	Hành vi sử dụng (Use Behavior)	UB
Quy định phải sử dụng Bkav eGov	si1	Tôi sử dụng Bkav eGov khi giao dịch trong công việc	ub1
Những người ảnh hưởng đến công việc của tôi nghĩ rằng tôi nên sử dụng Bkav eGov	si2	Tôi thường xuyên kiểm tra việc sử dụng Bkav eGov	ub2
Những người quan trọng với tôi nghĩ rằng tôi nên sử dụng Bkav eGov	si3		
Được cơ quan chuyên môn hỗ trợ trong việc sử dụng Bkav eGov	si4		



CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (tiếp theo)

Tiếp cận, hỗ trợ tín dụng

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Mức hỗ trợ: bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

b) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

- Tối đa 8 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 6 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 5 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập, thời gian hỗ trợ lãi suất là 8 năm.

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

c) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

d) Chính sách và phương thức hỗ trợ cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành, phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Các công trình xây dựng trên đất (gồm nhà lợp, nhà kính, nhà màng, công trình thủy lợi) của doanh nghiệp đầu tư được tính là tài sản để thế chấp vay vốn tại các ngân hàng thương mại.

Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức 2 triệu đồng/tháng/lao động trong 3 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị, được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, với mức hỗ trợ 500 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo trong 3 tháng.

b) Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh

phí tham gia triển lãm hội chợ trong và ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các khoản hỗ trợ được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng.

3. Hỗ trợ một doanh nghiệp xây dựng và quản lý một Trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia”.

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Doanh nghiệp có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại điện tử và có tài sản đảm bảo tối thiểu 10 tỷ đồng.

- Trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” được xây dựng ít nhất bằng 3 ngôn ngữ (Việt, Anh, Trung); cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 10 năm. Thông tin sản phẩm của các doanh nghiệp được duy trì ít nhất 3 năm.

- Nhà nước bắt đầu hỗ trợ khi có tối thiểu 500 doanh nghiệp đã đăng sản phẩm lên Trang thông tin điện tử.

b) Mức hỗ trợ: 5 triệu đồng/doanh nghiệp có sản phẩm đã đăng trên Trang thông tin điện tử quốc gia. Tổng mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng.

c) Trường hợp có nhiều doanh nghiệp muốn tham gia xây dựng Trang thông tin điện tử giao dịch nông sản quốc gia, việc lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu.

4. Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được quyền chủ động thu mua nguyên liệu nông sản từ nuôi, trồng để đưa vào bảo quản, chế biến theo tiêu chuẩn của doanh nghiệp.

Nông sản từ nuôi, trồng được tự do lưu thông trên thị trường, cơ quan nhà nước không được có các thủ tục hành chính về xác nhận nguồn gốc nguyên liệu và các thủ tục hành chính khác gây khó khăn cho việc khai thác, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản; trừ trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia và dịch bệnh nguy hiểm đến sức khỏe cộng đồng theo quy định.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.



2. Ngoài ra, nếu doanh nghiệp nhập bò giống cao sản để nuôi trực tiếp hoặc liên kết nuôi với hộ gia đình được hỗ trợ bổ sung 10 triệu đồng/con.

Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; giết mổ; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) *Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản, giết mổ gia súc gia cầm:* 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

b) *Hỗ trợ cơ sở sản xuất, nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp và nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ:* 60% kinh phí đầu tư và không quá 5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án.

c) Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

2. Hỗ trợ bảo quản nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, lâm sản phải đạt tối thiểu 100 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè, hạt tiêu, hạt điều đạt 1.000 tấn/kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 100 tấn/kho.

3. Hỗ trợ mua tàu dịch vụ biển: doanh nghiệp mua tàu làm dịch vụ nghề cá trên biển được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 60% chi phí; mức hỗ trợ tính theo công suất: 30 triệu đồng/tấn tải trọng (DWT); tải trọng tối thiểu tàu 200 DWT, mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/tàu.

4. Trường hợp doanh nghiệp hình thành theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về *Sắp xếp, đổi mới và*

phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp có xây dựng nhà máy chế biến quy định tại Khoản 1 Điều này, được hỗ trợ bổ sung cơ sở hạ tầng cho vùng nguyên liệu, định mức hỗ trợ là 50 triệu đồng/ha và không quá 5 tỷ đồng/dự án.

5. Trường hợp sản phẩm nông sản chế biến quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, khi được công nhận là sản phẩm chủ lực quốc gia, ngoài mức hỗ trợ quy định tại các khoản trên, dự án được hỗ trợ bổ sung 3 tỷ đồng để đầu tư cơ sở hạ tầng.

Hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

1. Doanh nghiệp có dự án cung cấp nước sạch cho vùng nông thôn được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 3 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho xây mới hoặc 2 triệu đồng/m³/ngày đêm công suất cho nâng cấp cải tạo nhà máy sản xuất nước sạch.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên.

2. Doanh nghiệp có dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nước thải sinh hoạt tại nông thôn; thu gom xử lý chất thải làng nghề, nông thôn được hỗ trợ 60% chi phí mua thiết bị, xây dựng hệ thống xử lý, mức hỗ trợ không quá 5 tỷ đồng/dự án.

3. Doanh nghiệp có dự án nuôi trồng thủy sản có quy mô tối thiểu 5 ha trở lên được hỗ trợ 200 triệu đồng/ha để xây dựng hạ tầng, cấp thoát nước, xử lý môi trường. Diện tích nuôi tăng, mức hỗ trợ sẽ tăng lên tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

4. Doanh nghiệp có dự án xây dựng bến cảng phục vụ vận chuyển sản phẩm nông - lâm - thủy sản, khu neo đậu tàu thuyền, hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước, công trình thủy lợi làm dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 20 tỷ đồng/dự án.

5. Hỗ trợ xây dựng nhà ở xã hội cho người lao động: doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có 100 lao động trở lên làm việc thường xuyên tại nhà máy, được hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người lao động với mức hỗ trợ 1 triệu đồng/m² xây dựng đối với nhà cấp IV; 2 triệu đồng/m² xây dựng đối với nhà 2 tầng trở lên.

6. Hỗ trợ ngoài hàng rào: doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, theo quy định của Nghị định này nếu bên ngoài hàng rào dự án chưa có đường giao thông đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước để phục vụ dự án thì được hỗ trợ bổ sung 70% chi phí và không quá 5 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên. ■

HOẠT ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NĂM 2019

NGUYỄN THỊ LÊ NA

Sở Công thương Lâm Đồng

Triển khai Kế hoạch số 6269/KH-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện công tác hội nhập quốc tế tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020, năm 2018, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Sở, ngành Công thương Lâm Đồng đã thực hiện được những nội dung cơ bản như sau:

Kết quả triển khai trong năm 2018

Với trách nhiệm là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo về Hội nhập quốc tế tỉnh, Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng đã tham mưu, giúp UBND tỉnh trong việc xây dựng chiến lược về hội nhập kinh tế quốc tế tỉnh cũng như những kế hoạch ngắn hạn và dài hạn cho từng lĩnh vực trong quá trình hội nhập quốc tế; tham mưu, soạn thảo trình UBND tỉnh ban hành những văn bản theo yêu cầu của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương; tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền kiến thức về hội nhập quốc tế; xây dựng kế hoạch hội nhập năm 2018 cho từng sở, ngành. Cụ thể:

Trong lĩnh vực thương mại: tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 toàn tỉnh đạt 661 triệu USD, tăng 19,75% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 104,92% kế hoạch năm 2018; những sản phẩm xuất khẩu chủ yếu vẫn đạt mức ổn định, khả năng cạnh tranh từng bước được nâng cao và các thị trường xuất khẩu truyền thống vẫn được duy trì.

Công tác quảng bá, xúc tiến được quan tâm đúng mức. Ngành Công thương đã thường xuyên tổ chức và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư và thương mại, từng bước mở rộng các hình thức hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chính sách về tài chính - tín dụng; triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thương mại điện tử, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc truy cập thông tin và tìm kiếm đối tác; nâng cao hiệu quả của chương trình liên kết giữa các vùng, miền trong nước. Tham gia vào một số hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh. Bên cạnh đó, hiệu quả của công tác quản lý thị trường trong năm qua cũng đã tích cực góp phần vào việc thực hiện mục tiêu đẩy



mạnh xuất khẩu và kiểm soát nhập khẩu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

Trong lĩnh vực công nghiệp: tốc độ tăng trưởng sản phẩm công nghiệp đạt 8,32% (theo đánh giá của UBND tỉnh); đạt 14,72% (theo đánh giá của Tổng cục Thống kê tại Văn bản số 1289/TCTK-TKQG ngày 28/11/2018) so với kế hoạch (9%). Tuy kết quả đạt được chưa cao nhưng đã góp phần quan trọng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, góp phần thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế.

Hoạt động khuyến công năm 2018 đã góp phần rất lớn trong việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp duy trì và phát triển sản xuất; các nội dung của hoạt động khuyến công ngày càng đa dạng, phong phú, phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp và các quy định hiện hành của nhà nước về công tác khuyến công. Tuy nhiên, những sản phẩm công nghiệp có giá trị xuất khẩu cao chưa nhiều và chưa có bước đột phá lớn, do đó cần sự nỗ lực rất lớn từ cộng đồng các doanh nghiệp và sự hỗ trợ về nhiều mặt của các cấp, ngành để các sản phẩm công nghiệp có thể hội nhập kinh tế quốc tế.

Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế năm 2019

Thời gian qua, các cấp, ngành chức năng trong tỉnh đã nỗ lực giúp đỡ, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh theo hướng nâng cao

chất lượng, thương hiệu sản phẩm, đẩy mạnh tiếp cận với các đối tác nước ngoài. Đặc biệt, các cấp, ngành đã nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, giảm tối đa các thủ tục rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Trong năm 2019, bên cạnh việc triển khai các nhiệm vụ của ngành nhằm nâng cao năng lực hội nhập, cạnh tranh của doanh nghiệp, Sở Công thương tiếp tục triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập kinh tế quốc tế với các nội dung cụ thể như sau:

- Duy trì việc công khai, minh bạch mọi thủ tục hành chính thuộc ngành công thương; tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính, thường xuyên rà soát kiến nghị sửa đổi những quy định về thủ tục không phù hợp, gây vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 1416/KH-SCT ngày 21/6/2018 của Sở Công thương Lâm Đồng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo thuộc trách nhiệm ngành Công thương.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư trong ngành Công thương, nhất là thu hút đầu tư phát triển hạ tầng công nghiệp thương mại và chế biến sâu nông sản, khoáng sản; tổ chức xúc tiến, kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất, chế biến vào các khu, cụm công nghiệp của Lâm Đồng và một số tỉnh, thành phố có tiềm năng phát triển về công nghiệp trong nước.

- Tổ chức và tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối giao thương trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại nhằm giúp doanh nghiệp đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, hàng hóa; liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ; tìm kiếm đối tác kinh doanh.

- Kết nối với Thương vụ Việt Nam ở các nước để tìm kiếm thị trường, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu.

- Thông qua chương trình khuyến công, tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển công nghiệp và thương mại.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược xuất, nhập khẩu hàng hóa tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2012-2020, định hướng đến 2030.

- Triển khai có hiệu quả Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 về Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Đề án phát triển xuất khẩu các mặt hàng chủ lực tỉnh Lâm Đồng đối với từng khu vực thị trường đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Tăng cường công tác phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại về chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh; phát triển hệ thống phân phối bán lẻ trong nước; theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình thị trường trong và ngoài nước.

- Triển khai thực hiện các nội dung thuộc chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu.

- Tổ chức kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn hàng hóa nhập khẩu kém chất lượng; không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; không đảm bảo an toàn, vệ sinh; không rõ nguồn gốc, xuất xứ lưu thông trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra nội bộ, tăng cường công tác thanh, kiểm tra tập trung trên các lĩnh vực thuộc ngành để phát sinh tiêu cực, tham nhũng.

Bên cạnh đó, Sở Công thương tiếp tục tăng cường mở rộng hợp tác với các đối tác, tổ chức và địa phương nước ngoài như: phối hợp với các bộ, ngành, Cục Xúc tiến Thương mại - Bộ Công thương cung cấp thông tin, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại tại nước ngoài; tổ chức đoàn nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu và tiếp xúc với các đối tác tại miền Bắc. ■





CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG NĂM 2019

NGUYỄN THỊ THANH TÂM

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Triển khai Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 (gọi tắt là Dự án) để hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh thông qua áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, biện pháp quản lý hiệu quả, công cụ cải tiến, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy...

Giai đoạn 2016-2018, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã hỗ trợ 43 lượt doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến. Đến nay, có 25 dự án đã hoàn thành với kinh phí được hỗ trợ là 1,36 tỷ đồng, trong đó, 15 dự án đang triển khai và 3 dự án ngừng thực hiện; 8 doanh nghiệp về tiêu chuẩn, hợp chuẩn, hợp quy với tổng số tiền là 100 triệu đồng (2 doanh nghiệp chứng nhận hợp quy đối với 3 sản phẩm; 1 doanh nghiệp chứng nhận hợp chuẩn cho 2 sản phẩm; 5 doanh nghiệp xây dựng 21 tiêu chuẩn cơ sở); 4 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế với tổng số tiền là 99 triệu đồng. Hoạt động này đã giúp các doanh nghiệp cải thiện công tác quản lý, nâng cao năng lực cạnh tranh và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục triển khai Dự án, để nâng cao hiệu quả hỗ trợ, năm 2019, đối tượng doanh nghiệp hỗ trợ sẽ được mở rộng đến các hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể; hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực, nước ngoài, hiệp hội và đặc biệt, sẽ hỗ trợ 10 doanh



nh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bằng tem QC (Quality Control)... Nội dung hỗ trợ như sau:

Hoạt động đào tạo

Nhằm nâng cao nhận thức, vai trò của các công cụ cải tiến, hệ thống quản lý và hướng dẫn các kỹ năng triển khai hoạt động năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong năm 2019, Chi cục sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo với nội dung như sau:

STT	Nội dung lớp tập huấn	Thời gian dự kiến
1	Sản xuất tinh gọn (Lean)	3/2019
2	Lý thuyết và thực hành 5S, Kaizen - Quản lý trực quan	3/2019
3	Áp dụng Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018	4/2019
4	Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ trong nông nghiệp	4/2019
5	Nhận thức về Hệ thống quản lý kinh doanh liên tục theo tiêu chuẩn ISO 22301:2012	5/2019
6	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	6/2019
7	Đo lường hiệu quả các quá trình sản xuất - kinh doanh thông qua chỉ số KPIs	7/2019
8	Nâng cao năng suất bằng việc nhận dạng và loại bỏ lãng phí	8/2019
9	Kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả	9/2019
10	Giải quyết vấn đề theo phương pháp 5 Whys	10/2019

Ngoài ra doanh nghiệp có thể đăng ký các lớp đào tạo, tập huấn khác theo nhu cầu.



Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, truy xuất nguồn gốc, thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy

Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng 13 công cụ cải tiến 5S, Kaizen, Lean, KPI, TQM, MFCA, Layout; 3 hệ thống ISO 9001; 13 hệ thống ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GlobalGAP, Organic, BRC, Fairtrade; truy xuất nguồn gốc bằng tem QC đối với 4 sản phẩm; chứng nhận hợp chuẩn 2 sản phẩm (chế phẩm vi sinh vật, nước rửa chén...); chứng nhận hợp quy 2 sản phẩm (nước uống, rượu, vật liệu xây dựng, phân bón,...); hỗ trợ xây dựng 8 tiêu chuẩn cơ sở liên quan đến các sản phẩm trà, cà phê, rau, củ, quả...

Kinh phí hỗ trợ

- Hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, áp dụng hệ thống quản lý và công cụ cải tiến năng suất chất lượng, truy xuất nguồn gốc như sau:

+ Hỗ trợ không quá 40 triệu đồng đối với các doanh nghiệp, đơn vị áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng như 5S, Kaizen, sản xuất tinh gọn Lean, 7 công cụ và tương đương; truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bằng tem kiểm soát chất lượng QC (Quality Control).

+ Hỗ trợ không quá 60 triệu đồng đối với các doanh nghiệp, đơn vị áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực, nước ngoài, hiệp hội như ISO 22000, ISO 14001, HACCP, OHSAS 18001, ISO 50001, BRC, tiêu chuẩn hữu cơ, 4C, Rainforest, UTZ, Fairtrade, Halal và tương đương.

+ Hỗ trợ không quá 1 triệu đồng/sản phẩm thử nghiệm mẫu và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy tính theo số sản phẩm:

+ Sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: 20 triệu đồng.

+ Sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia: 10 triệu đồng.

Doanh nghiệp có nhu cầu tham gia Dự án vui lòng liên hệ:

*Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng
Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
Địa chỉ: 18 Trần Phú, phường 3, Đà Lạt
Điện thoại: 02633.532247
Fax: 02633.827508
Email: pqltcccl@lamdong.gov.vn ■*

Từ sau Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2017-2020) với các thành viên Ban chấp hành Hiệp hội đều là các nhà lãnh đạo trẻ tuổi, đầy nhiệt huyết, Hiệp hội Hoa Đà Lạt đã có những bước phát triển vượt bậc so với những nhiệm kỳ trước.

Trong năm 2018, Hiệp hội đã tổ chức nhiều buổi hội thảo về công nghệ bảo quản sau thu hoạch, hội thảo chuyên đề về vụ hoa dịp tết Nguyên Đán; tổ chức các buổi tham quan học hỏi các mô hình sản xuất của các hội viên như Công ty TNHH Dalat Hasfarm, Công ty TNHH TM - DV Trường Hoàng...; tham gia xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; tham vấn với các sở, ban, ngành có liên quan nhằm giải quyết các vướng mắc của hội viên.

Năm 2019, Hiệp hội Hoa Đà Lạt tiếp tục duy trì các hoạt động nhằm hỗ trợ hội viên sản xuất, kinh doanh hoa trên địa bàn tỉnh với các hoạt động cụ thể như:

Hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại

Đây là hoạt động rất thiết thực với các tổ chức, cá nhân nhằm giới thiệu các sản phẩm hoa của Đà Lạt và tìm kiếm đối tác. Sau khi xúc tiến thương mại thành công tại miền Nam, Bắc, năm 2019, Hiệp hội Hoa tiếp tục phối hợp với Sở Công thương Lâm Đồng tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại tại miền Trung (Đà Nẵng). Qua đó, hội viên có cơ hội gặp gỡ trực tiếp các tiểu thương chợ đầu mối, trao đổi và giải quyết các vướng mắc để tăng cường lượng hoa Đà Lạt nhập về miền Trung.





HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, KINH DOANH HOA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2019

Hiệp hội Hoa Đà Lạt



Ngoài ra, trong năm 2019, Hiệp hội sẽ tổ chức các chuyến xúc tiến thương mại nước ngoài (Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc...) để hội viên nắm bắt xu hướng thị trường các nước.

Năm 2019, tham gia Lễ hội Festival Hoa Đà Lạt, Hiệp hội Hoa tiếp tục tổ chức chương trình “*Không gian hoa xung quanh Hồ Xuân Hương*”, đây là 1 trong những hoạt động chính của Festival nhằm giới thiệu các loại hoa đặc trưng và mới, lạ của Đà Lạt - Lâm Đồng đến khách tham quan trong và ngoài nước.

Tổ chức các hội thảo chuyên đề

Hiện nay, các hội viên sản xuất hoa trên địa bàn rất quan tâm đến vấn đề bảo quản sau thu hoạch, bản quyền giống hoa, thông tin thị trường... Năm 2019, để hỗ trợ hội viên, Hiệp hội sẽ tổ chức các hội thảo chuyên đề, dự kiến tổ chức 2 hội thảo công nghệ bảo quản hoa tại các làng hoa và huyện Lạc Dương; 1 hội thảo về bản quyền giống hoa với sự hỗ trợ của các chuyên gia quốc tế; tổ chức kết nối giữa người sản xuất và người tiêu thụ (các chợ đầu mối) để 2 bên trực tiếp gặp gỡ, trao đổi các vấn đề vướng mắc... thông qua Sở Công thương Lâm Đồng và Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh.

Tư vấn kỹ thuật sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoa

Hiệp hội Hoa Đà Lạt đã xây dựng và đưa vào hoạt động Trang thông tin điện tử, các ứng dụng như Facebook, Zalo để hỗ trợ hội viên về các vấn đề kỹ thuật, kết nối thông tin, hỗ trợ tìm kiếm khách hàng... Năm 2019, Hiệp hội Hoa sẽ phối hợp với Công ty TNHH Himeji Sản giao dịch Hoa và Công ty Naniwa Flower Auction (Nhật Bản) để hỗ trợ người sản xuất về quy trình trồng các loại hoa đặc biệt như Cúc, Cẩm chướng, Hồng và Cát tường.

Giao lưu, học hỏi kinh nghiệm

Để nâng cao vai trò kết nối, năm 2019, Hiệp hội dự kiến tiếp tục tổ chức các buổi tham quan các mô hình sản xuất hiệu quả của hội viên như Công ty TNHH Hoa Mặt Trời, Công ty TNHH Apollo, Công ty TNHH Linh Ngọc...; tổ chức giao lưu hội viên trong Hiệp hội để trao đổi, học hỏi và tăng cường cơ hội hợp tác lẫn nhau giữa các hội viên.

Tham vấn đối với các sở, ban, ngành chức năng

Dự kiến năm 2019, Hiệp hội Hoa Đà Lạt sẽ làm việc và trao đổi với các cơ quan nhà nước có liên quan để giải quyết các vướng mắc của người sản xuất. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng, Hiệp hội tiếp tục trao đổi, hợp tác triển khai *Dự án nhập khẩu giống rau, hoa mới năm 2019*. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng, tiếp tục làm việc và thực hiện dự án Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp. Phối hợp với Sở Công thương Lâm Đồng kết nối, giao thương, quảng bá sản phẩm hoa Đà Lạt đến các tỉnh thành có tiềm năng. Làm việc với UBND tỉnh, thành phố Đà Lạt để cùng nhau giải quyết các vướng mắc của hội viên.

Tiếp tục gửi các vướng mắc về vấn đề nhập khẩu giống mới, góp ý các dự luật sửa đổi về thuế, đất đai, trồng trọt... cho các Bộ, ngành có liên quan.

Với các kế hoạch hỗ trợ trong năm 2019 trên, Hiệp hội Hoa Đà Lạt luôn mong muốn hỗ trợ tối đa cho các hội viên sản xuất hoa trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển ngành hoa Đà Lạt - Lâm Đồng hơn nữa trong tương lai. ■



THỰC TRẠNG NGÀNH HOA LÂM ĐỒNG DƯỚI GÓC NHÌN CỦA CÁC CHỢ ĐẦU MỐI BA MIỀN BẮC, TRUNG, NAM

Hiệp hội Hoa Đà Lạt

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoa trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng các thông tin về thị trường tiêu thụ hoa tại Việt Nam, cuối năm 2018, Hiệp hội Hoa Đà Lạt đã phối hợp với Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng tổ chức đoàn khảo sát thực tế 3 miền Bắc, Trung, Nam để thu thập thông tin về tình hình tiêu thụ hoa tại các chợ đầu mối.

- *Đối với khu vực miền Bắc*, đoàn đã tiến hành khảo sát tại các chợ Quảng Bá, Mê Linh, Vạn Phúc và các shop hoa lớn tại Hà Nội. Kết quả cho thấy, miền Bắc nhập khoảng 60% hoa Đà Lạt gồm Hồ điệp, Vũ nữ, Địa lan, Cẩm tú cầu, Đồng tiền, Cát tường, Cẩm chướng, Cúc, Layon, Hồng môn...; khoảng 30% hoa từ Trung Quốc với các chủng loại: Cẩm chướng đơn, Cát tường kép, hoa Baby, hoa Hồng...; 10% còn lại của địa phương trồng theo mùa như Cúc, Đồng tiền, Hồng, Layon, Hướng dương, Lily, Thiên điều, Cát tường...

Tại các shop hoa lớn ở Hà Nội, khoảng 50% hoa được nhập từ Đà Lạt, còn lại nhập tại địa phương và Trung Quốc. Các loại hoa thường nhập từ Đà Lạt gồm: hoa Hồng, Địa lan, Cẩm tú cầu, Hồ điệp, Cát tường, Cẩm chướng và một số loại lá trang trí.

Theo các tiểu thương chợ, chủ shop hoa nhận xét, hoa Đà Lạt được tiêu thụ rất tốt, tuy nhiên, giá cả không ổn định, vào vụ cao điểm thường không có hàng và giá cao; chưa có liên kết giữa các hộ nông dân nên số lượng hàng nhiều khi không đủ cung cấp, do đó, vào các dịp lễ, tết, Hà Nội thường nhập hoa từ Trung Quốc nhiều hơn hoa Đà Lạt. Ngoài ra, độ bền của hoa Đà Lạt thấp do bảo quản sau thu hoạch kém. Tại Hà Nội, hoa Đà Lạt khó cạnh tranh vì cùng một loại hoa có nhiều nguồn nhập (tại địa phương, Trung Quốc). Tiểu thương chợ ưu tiên lựa chọn các doanh nghiệp để giao dịch do đảm bảo uy tín, chất lượng và giá cả ổn định.

Có thể thấy, tại thị trường miền Bắc, hoa Đà Lạt khó cạnh tranh với hoa của Trung Quốc và địa phương do phải vận chuyển xa và bảo quản không đúng cách dẫn đến chất lượng không ổn định.

- *Tại khu vực miền Trung*, tiến hành khảo sát tại chợ đường Phạm Phú Thứ, chợ Hòa Cường,



chợ Hàn. Kết quả cho thấy, tình hình nhập hoa Đà Lạt ổn định, giá cả trả trước; ngày lễ, tết, các chợ nhập thêm hoa từ Trung Quốc như hoa Hồng, Baby, Cẩm chướng, Tầm xuân, Địa lan... Đối với mặt hàng hoa chậu nhập chủ yếu là Hồ điệp; một số loại không thường xuyên như Đuôi chồn, Trạng nguyên, Đồng tiền...

Đa số chủ sạp hoa tại Đà Nẵng không thích hoa đã bảo quản trong kho lạnh vì khi chuyển ra xứ nóng hoa bị sốc nhiệt, mau tàn. Ngày lễ, tết, hoa Đà Lạt tăng giá thất thường và hầu hết được bảo quản trong kho lạnh nên không đảm bảo chất lượng.

Như vậy, hoa Đà Lạt vẫn có tiềm năng tại thị trường miền Trung. Tuy nhiên, người sản xuất cần xem xét lại quy trình bảo quản sau thu hoạch để hoa đạt chất lượng khi chuyển ra các vùng, miền có khí hậu nóng hơn.

- *Đối với thị trường miền Nam*, đoàn tiến hành khảo sát tại các chợ Bình Điền, Thủ Đức, Đầm Sen, Hồ Thị Kỷ (thành phố Hồ Chí Minh); tại đây, lượng hoa Đà Lạt tiêu thụ ước tính khoảng 2 tỷ cành các loại mỗi năm, chiếm hơn 80% thị phần, tập trung nhiều về một số chợ hoa đầu mối như Đầm Sen, Thủ Đức, Hồ Thị Kỷ, Bình Điền và các shop, công ty kinh doanh hoa lớn.

Tuy nhiên, mối quan hệ giao thương về hoa cắt cành giữa Đà Lạt và thành phố Hồ Chí Minh còn manh mún, nhỏ lẻ, chủ yếu dựa vào mối quan hệ đơn lẻ giữa chủ vườn hoa tại thành phố Hồ Chí Minh và nhà vườn trồng hoa ở Đà Lạt. Điều này



khuyến người nông dân trồng hoa luôn bị động về giá cả, khâu sản xuất; chủ vựa hoa không chủ động được sản lượng, chất lượng hoa nhập vào.

Có thể thấy, phương thức kinh doanh hoa truyền thống bộc lộ nhiều hạn chế như giá trị lợi nhuận thấp; đầu ra cho hoa rất bấp bênh vì thiếu khâu lưu trữ an toàn; hoa bị hư hỏng, hao hụt nhiều trong quá trình xử lý sau thu hoạch, vận chuyển, tiêu thụ; các chợ hoa bán sỉ không có kho lạnh nên hoa càng dễ hư, làm phát sinh một lượng lớn rác thải ngay tại nơi tiêu thụ.

Bên cạnh đó, việc sử dụng bao bì kém chất lượng gây nhiều tổn thất về kinh tế cũng như chất lượng hoa; chi phí hao hụt hoa hiện nay từ 5-10%; chi phí nhân công để lựa lại hoa khi nhận từ các nhà vườn ở Đà Lạt, sau đó lại đóng thùng để tiếp tục phân phối (từ thực tế khảo sát tại 4 chợ đầu mối vừa rồi); không xây dựng được thương hiệu là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, tạo tâm lý không hài lòng của khâu tiêu thụ tiếp theo do thiếu hụt số lượng cần sử dụng theo dự kiến vì phải loại bỏ số lượng hư hao trong quá trình vận chuyển.

Do đó, việc tạo được mối liên kết cung - cầu hợp lý, có sự trao đổi thông tin đầy đủ về chất lượng, sản lượng hoa của nhà vườn và nguồn gốc, hình thức kinh doanh của vựa thu mua hoa sẽ giúp bình ổn giá cả cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa tốt nhất khi đến tay người tiêu dùng.

Từ những thực trạng thu thập được, Hiệp hội Hoa Đà Lạt đưa ra các đề xuất và giải pháp để tăng cường tiêu thụ sản phẩm hoa Đà Lạt như sau:

- Người sản xuất cần cải thiện chất lượng hoa thông qua việc tăng cường bảo quản sau thu hoạch, sử dụng giống mới có chất lượng để thay



thế, chuyển đổi diện tích hoa giống cũ kém hiệu quả... Giảm hao hụt trong quá trình vận chuyển, tuyên truyền đến các nhà xe nhằm vận chuyển hoa an toàn, đảm bảo hơn đến nơi tiêu thụ.

- Tăng số lượng hoa thông qua việc liên kết hộ nông dân, doanh nghiệp...

- Nâng cao uy tín của hộ sản xuất thông qua các thỏa thuận đã ký kết, hạn chế tình trạng tăng giá đột ngột vào các dịp lễ, tết.

- Hiệp hội Hoa Đà Lạt cần thông tin tuyên truyền về cách phân biệt giữa hoa Đà Lạt với hoa Trung Quốc và hoa tại các địa phương khác nhằm nâng cao giá trị hoa Đà Lạt. Người sản xuất cần nâng cao giá trị, đáp ứng yêu cầu sử dụng nhãn hiệu nhận diện thương hiệu Hoa Đà Lạt, in nhãn hiệu trên bao bì...

- Tăng cường trao đổi thông tin giữa các hộ sản xuất, Ban Quản lý chợ và Hiệp hội Hoa. Hiệp hội Hoa Đà Lạt thường xuyên cập nhật thông tin của người sản xuất, số lượng, sản lượng, diện tích sản xuất... gửi Sở Công thương 3 miền để giới thiệu đến các thương nhân, tiểu thương tại các chợ. Ngược lại, phía Sở Công thương 3 miền thông qua Ban Quản lý chợ gửi danh sách các tiểu thương uy tín về Hiệp hội hoa để giới thiệu cho người sản xuất.

- Cần có sự liên kết giữa nhà sản xuất và tiêu thụ hoa, tiến hành dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường, cung cấp danh sách nhà phân phối - tiêu thụ, nhu cầu thị trường về từng chủng loại, số lượng hoa cũng như yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật để các doanh nghiệp, nhà vườn Đà Lạt có kế hoạch sản xuất phù hợp.

- Cần thúc đẩy việc xây dựng Trung tâm Giao dịch hoa tại Lâm Đồng, giúp người trồng hoa, tiểu thương và công ty kinh doanh hoa đến gần hơn trong việc tìm tiếng nói chung giữa thị trường cung - cầu của sản phẩm đặc thù này, tạo mặt bằng giá cả công bằng, minh bạch và tạo mối liên kết sản xuất - tiêu thụ hoa bền vững. ■





CÔNG NGHỆ MỚI, SẢN PHẨM MỚI

GIỐNG LAN HỒ ĐIỆP THƠM HĐT1

Mới đây, các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu Rau quả (Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam) đã nghiên cứu, lai tạo thành công giống lan Hồ điệp thơm HĐT1.



Lan Hồ điệp thơm HĐT1 thuộc loại hoa mini (đường kính hoa 4,5-5,1 cm), chiều cao giò 32-38 cm, phù hợp cho sử dụng hoa chậu trang trí trong phòng. Hoa có màu vàng cam, hương thơm nhẹ. Bên cạnh hương thơm, HĐT1 còn sở hữu nhiều đặc tính ưu việt khác như khả năng bật chồi cao (2-3 chồi/cây), sinh trưởng khỏe (cây 18 tháng tuổi có 6-7 lá), khả năng phân nhánh trên cành mạnh (3-4 nhánh/cành), số hoa trên cây nhiều (21-30 hoa/cây), độ bền cao (92-95 ngày đối với hoa trồng chậu).

Việc lai tạo thành công giống lan Hồ điệp thơm HĐT1 là đột phá trong nghiên cứu tạo giống hoa, cây cảnh ở Việt Nam, qua đó góp phần thúc đẩy nghiên cứu chọn tạo giống hoa mới trong nước thay vì phải nhập giống như hiện nay.

Chi tiết xin liên hệ: PGS.TS Đặng Văn Đông - Viện Nghiên cứu Rau quả. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Điện thoại: 0913562265.

HỆ THỐNG KHÔNG DÂY GIÁM SÁT CÁC THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG TRONG NHÀ TRỒNG NẤM

Các nhà khoa học thuộc Khoa Cơ điện và Khoa Công nghệ sinh học (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) đã phối hợp nghiên cứu chế tạo thành công hệ thống giám sát không dây các thông số môi trường trong nhà trồng nấm.

Các thông số được giám sát gồm nhiệt độ, độ ẩm không khí và ánh sáng. Hệ thống không chỉ giúp thu thập các dữ liệu môi trường mà còn cho phép người dùng giám sát từ xa thông qua các thiết bị thông minh nhờ mạng cảm biến không dây với 5 điểm đo được xây dựng để thu thập dữ liệu tại hiện trường. Ngoài ra, nhờ được sản xuất trong nước nên hệ thống giám sát này có giá thành thấp hơn so với các sản phẩm thương mại hiện có (như mạng cảm biến không dây Monnit, Lebilium); dễ sử dụng do được lập trình bằng ngôn ngữ tiếng Việt.



Chi tiết xin liên hệ: Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội; Điện thoại: 024.62617586; Fax: 024.62617586.

MÁY ĐIỆN PHÂN JAVEN

Trước đây, nước được xử lý bằng clo khí hóa lỏng, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến con người, môi trường, chất lượng nước và chi phí cao. Để giải quyết vấn đề này, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (HueWACO) đã nghiên cứu sản xuất dung dịch muối tinh và chế tạo thành công máy điện phân Javen (NaOCl), không phải nhập khẩu máy từ nước ngoài.

Giải pháp sử dụng Javen từ quá trình điện phân muối ăn có nhiều ưu điểm vì nguồn nguyên liệu muối thô ở Việt Nam rất lớn, giá thành thấp; nước Javen có hiệu quả khử trùng cao, dạng dung dịch có nồng độ thấp (5-7 g/l) nên rất an toàn cho con người và môi trường. Trước đây, việc sử dụng clo lỏng trong xử lý nước có giá thành khoảng 35.000 đồng/kg; áp dụng công nghệ điện phân Javen của HueWACO, chi phí sản xuất 1 kg clo hoạt tính chỉ 30.515 đồng. Khi sử dụng clo để xử lý, nước sẽ hình thành HOCl và một phần khí Cl₂ thoát ra ngoài nên nước có mùi khó chịu dù hàm lượng clo dư thấp, chỉ 0,2 mg/l; HOCl phân hủy nhanh nên các khu vực cuối mạng lưới cấp nước có hàm lượng clo dư không đảm bảo yêu cầu, nguy cơ nước bị tái nhiễm khuẩn, phải tốn chi phí bổ sung clo trên mạng lưới. Tuy nhiên, khi chuyển sang sử dụng nước Javen, nước sau xử lý có mùi dễ chịu hơn, mặc dù hàm lượng clo dư trong nước từ 0,4-0,5 mg/l. NaOCl tồn tại lâu trong nước nên hầu hết các điểm cuối mạng lưới cấp nước đều có clo dư từ 0,2 mg/l trở lên, đảm bảo hiệu quả khử trùng nước cao. Thiết bị này đang được áp dụng để sản xuất nước Javen phục vụ công tác khử trùng, xử lý nước và được áp dụng cho tất cả nhà máy của HueWACO. Hệ thống đang được thiết kế cho Nhà máy nước Vạn Niên với công suất 250 kg/ngày và Nhà máy nước Núi Cốc - Thái Nguyên có công suất 100 kg/ngày.



Chi tiết xin liên hệ: Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. 103 Bùi Thị Xuân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Điện thoại: 0234.3833710; Email: info@huewaco.com.vn.



TIN CẢNH BÁO TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO

HOA KỲ

Sản phẩm điều chỉnh: khoai tây.

Thông báo số: G/TBT/N/USA/1444, ngày 07 tháng 3 năm 2019.

Mô tả nội dung: quy tắc này đề xuất sửa đổi các yêu cầu kích thước hiện được quy định theo lệnh tiếp thị liên bang cho khoai tây Ailen được trồng ở Colorado. Trong đó, quy định việc sửa đổi yêu cầu kích thước tối thiểu đối với khoai tây tròn số 2 hoặc những loại khoai tây tốt hơn của Hoa Kỳ để phù hợp với các yêu cầu kích thước hiện tại. Ngoài ra, quy tắc này sẽ sửa đổi các yêu cầu về hồ sơ đối với các loại khoai tây có kích thước nhỏ hơn loại khoai tây thương mại.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: đảm bảo yêu cầu chất lượng; tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất.

Thời hạn góp ý: đến ngày 01/4/2019.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Dịch vụ tiếp thị nông nghiệp (AMS), Bộ Nông nghiệp (USDA).

Địa chỉ: 1400 Independence Ave., S.W. Washington, DC 20250.

Điện thoại: (202) 720-2791.



HÀN QUỐC

Sản phẩm điều chỉnh: đồ uống có cồn.

Thông báo số: G/TBT/N/KOR/817, ngày 19 tháng 03 năm 2019.

Mô tả nội dung: yêu cầu phải thể hiện các thông tin cảnh báo và hình ảnh cho thấy sự nguy hiểm của việc uống rượu và lái xe khi đã uống rượu trên bao bì đựng đồ uống có cồn để bán.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: nâng cao nhận thức về mức độ nghiêm trọng và giảm các nguy hiểm của việc uống rượu và lái xe khi đã uống rượu.

Thời gian góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: được xác định.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Phòng Chính sách Sức khỏe Tâm thần, Bộ Y tế và Phúc lợi.

Địa chỉ: Hộp thư số 30113, 13, Doum 4-ro, Sejong-si, Cộng hòa Hàn Quốc.

Điện thoại: (+82) 44 202 2862.

Fax: (+82) 44 202 3940.

Email: hankiwan@korea.kr.



KENYA

Sản phẩm điều chỉnh: khoai lang tươi.

Thông báo số: G/TBT/N/KEN/787, ngày 30 tháng 01 năm 2019.

Mô tả nội dung: cung cấp các quy tắc thực hành nông nghiệp tốt được khuyến nghị để sản xuất, xử lý sau thu hoạch, lưu trữ, đóng gói và vận chuyển khoai lang tươi (Ipomea batatas) dành cho tiêu dùng của con người.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn của con người; đảm bảo các yêu cầu chất lượng.

Thời gian dự kiến áp dụng: tháng 6/2019.

Thời gian góp ý: đến ngày 09/3/2019.

Thời hạn dự kiến có hiệu lực: sau khi Bộ trưởng Nội các, Bộ Công nghiệp, Thương mại và Hợp tác xã tuyên bố bắt buộc.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn Kenya.

Địa chỉ: Hộp thư số 54974-00200, Nairobi, Kenya.

Điện thoại: + (254) 020 605490, 605506/6948258.

Fax: + (254) 020 609660/609665.

Email: info@kebs.org.

Website: <http://www.kebs.org>.



**PERU****Sản phẩm điều chỉnh:** nông sản hữu cơ.**Thông báo số:** G/TBT/N/PER/111, ngày 22 tháng 02 năm 2019.**Mô tả nội dung:** văn bản đề cập đến quy trình chứng nhận và giám sát đối với quy trình sản xuất hữu cơ; điều kiện về các nhà khai thác nhóm hữu cơ (hệ thống kiểm soát nội bộ); điều kiện, yêu cầu và nghĩa vụ của các tổ chức chứng nhận (cơ quan chứng nhận và hệ thống đảm bảo có sự tham gia); sử dụng con dấu hữu cơ quốc gia; tiếp thị sản phẩm hữu cơ; vi phạm, hình phạt và các vấn đề khác.**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** đảm bảo thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; phòng ngừa các hành vi lừa đảo, bảo vệ người tiêu dùng; để thiết lập các thủ tục, yêu cầu cho phép của các tổ chức chứng nhận và giám sát để đảm bảo tính chất hữu cơ của các sản phẩm được gọi là hữu cơ, “sinh học” hoặc thân thiện với môi trường trên thị trường trong và ngoài nước.**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** 6 tháng sau khi được công bố trên Tạp chí chính thức, El Peruano.**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Bộ Ngoại thương và Du lịch Peru.

Địa chỉ: Calle Uno Oeste N ° 050 - Urb. Corpac - Lima 27 - Peru.

Điện thoại: (+ 51-1) 513-6100, Ext. 1223 hoặc 1239.

Email: otc@mincetur.gob.pe.

**TANZANIA****Sản phẩm điều chỉnh:** trái cây và rau, quả.**Thông báo số:** G/TBT/N/TZA/236, ngày 20 tháng 02 năm 2019.**Mô tả nội dung:** dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với xoài khô từ Mangifera indica dành cho tiêu dùng trực tiếp của con người hoặc sử dụng cho ngành công nghiệp thực phẩm.**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** thông tin người tiêu dùng, ghi nhãn; bảo vệ sức khỏe hoặc an toàn của con người; yêu cầu chất lượng.**Thời gian dự kiến áp dụng:** trong vòng 6 tháng sau khi được công bố bởi Công báo Đông Phi.**Ngày dự kiến có hiệu lực:** sau khi áp dụng theo Tiêu chuẩn Tanzania.**Thời hạn góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cục Tiêu chuẩn Tanzania.

Địa chỉ: MOROGORO/Sam Nujoma Road, Ubungo.

P.O. BOX 9524.

Điện thoại: +255 222450206.

Email: info@tbs.go.tz.Website: www.tbs.go.tz.**LITHUANIA****Sản phẩm điều chỉnh:** đồ uống có cồn.**Thông báo số:** G/TBT/N/LTU/35, ngày 07 tháng 02 năm 2019.**Mô tả nội dung:** nghiêm cấm bán tại nước Cộng hòa Litva bia, đồ uống lên men, đồ uống có cồn thuộc nhóm các loại cocktail có độ cồn hơn 6% theo thể tích, đóng gói trong các thùng chứa có dung tích hơn 0,2 lít, trừ trường hợp đồ uống đó được đóng gói trong các vật chứa bằng thủy tinh, gốm, gỗ hoặc kim loại; bia, đồ uống lên men, đồ uống có cồn thuộc nhóm các loại cocktail có độ cồn không quá 6% theo thể tích, được đóng gói trong các thùng chứa có dung tích hơn 1 lít, trừ trường hợp các loại đồ uống này được đóng gói trong vật chứa bằng thủy tinh, gốm, thùng gỗ hoặc kim loại; đồ uống có cồn với độ cồn hơn 22% theo thể tích, được đóng gói trong vật chứa bằng thủy tinh và các vật chứa khác dành cho tiêu thụ trực tiếp.**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** giảm sự sẵn có của đồ uống có cồn bằng cách hạn chế có chủ đích việc bán đồ uống có cồn, chủ yếu dành cho người uống rượu nặng, nghiện rượu.**Thời gian góp ý:** 60 ngày kể từ ngày công bố dự thảo văn kiện.**Thời gian dự kiến có hiệu lực:** 01/7/2020.**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Bộ Y tế Cộng hòa Litva.

Địa chỉ: 33, LT-01506 Vilnius, Litva.

Gedimino av. 19, LT-01103 Vilnius, Lithuania

Điện thoại: 370 5 2661402.

Email: ministerija@sam.lt.Website: <http://sam.lrv.lt/>.



ĐẦU TƯ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LÂM ĐỒNG - LADOPHAR

HUỲNH LÊ THỰC CƠ

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều thách thức, cạnh tranh khốc liệt về giá cả và chất lượng sản phẩm để tồn tại và phát triển như giá nguyên vật liệu đầu vào không ngừng gia tăng trong khi giá thành phẩm hàng hóa bán ra luôn bị cạnh tranh; nhiều áp lực lớn về các quy định quản lý môi trường, tiết kiệm sử dụng tài nguyên; yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng sản phẩm...

Là doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm liên quan đến sức khỏe, Ban lãnh đạo Công ty CP Dược Lâm Đồng (Công ty) đã ý thức được rằng: doanh nghiệp muốn phát triển bền vững cần đầu tư sâu vào công nghệ, khoa học kỹ thuật để sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước, đồng thời thỏa mãn yêu cầu cao của thị trường nước ngoài.

Dược thành lập từ năm 1982 với việc sát nhập Xí nghiệp Liên hiệp dược và các Công ty dược cấp 3 thành Công ty Dược và Vật tư y tế Lâm Đồng - Ladophar, đến nay, Công ty đã không ngừng phát triển lớn mạnh.

Với đặc thù là Công ty dược địa phương có lợi thế về cây dược liệu, Ladophar xây dựng chiến lược đầu tư cho các sản phẩm từ dược liệu thiên nhiên. Trong nhiều năm qua, Công ty chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Điển hình:

Đầu tư cho nguyên liệu đầu vào

Để đảm bảo nguyên liệu đầu vào đạt chất lượng, hoạt động nghiên cứu, lựa chọn giống dược liệu cho hàm lượng hoạt chất cao được



chú trọng, Công ty đã nghiên cứu, lựa chọn các giống dược liệu mới, chất lượng cao; xây dựng các quy trình trồng trọt theo tiêu chuẩn quốc tế như Global GAP, GACP-WHO cho cây dược liệu; liên kết và chuyển giao kỹ thuật trồng trọt cho các hộ dân trồng dược liệu cung cấp cho Ladophar.

Đầu tư cho dây chuyền nhà máy chất lượng từ giai đoạn chế biến sau thu hoạch đến sản phẩm cuối cùng đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO

Ladophar hiện đang sở hữu 3 nhà máy quy mô lớn với hệ thống dây chuyền chiết xuất cao dược liệu, nhà máy sản xuất thuốc với các thiết bị công nghệ mới để nâng cao năng lực chế biến dược liệu và chất lượng sản phẩm. Công ty đã đầu tư xây dựng nhà xưởng rộng rãi; đổi mới hệ thống thiết bị chiết xuất cao theo công nghệ hiện đại (như máy sấy vi sóng, máy sấy vi sóng chân không...), hệ thống rửa dược liệu tự động nhằm giảm lao động thủ công; áp dụng những tiến bộ về khoa học và công nghệ, nghiên cứu đổi mới quy trình chiết xuất cao...

Đầu tư nguồn nhân lực

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng hoạt động R&D, không ngừng tạo ra các sản phẩm mới đưa ra thị trường.

- Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ nghiên cứu như máy dập viên, máy trộn siêu tốc, máy bao phim,...



- Tuyển dụng và đào tạo đội ngũ dược sĩ, kỹ sư cho việc nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, công nghệ mới đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo đột phá trong sản xuất.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động

Công ty đã đầu tư ứng dụng phần mềm quản lý mới, kết nối các đơn vị trong toàn công ty, số liệu hàng hóa tồn kho, nhập, xuất được theo dõi, truy xuất bất cứ lúc nào giúp cho việc lập kế hoạch mua vào, dự trữ, điều chuyển trong toàn hệ thống linh hoạt và kịp thời...; việc hạch toán kế toán kịp thời và chính xác, giảm thao tác thủ công, kết quả không còn phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của người thao tác...

Hiệu quả mang lại

- Bước đầu khảo nghiệm một số dược liệu thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu tại Đà Lạt và các huyện lân cận, sẵn sàng cung cấp nguồn cây giống dược liệu khi triển khai vùng trồng, tiến đến tự chủ vùng nguyên liệu.

- Chất lượng sản phẩm được nâng cao nhờ cải tiến quy trình sản xuất.

- Giảm lao động thủ công, tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu trong sản xuất do bố trí lại các dây chuyền sản xuất, dần ứng dụng tự động hóa.

- Các sản phẩm như Nosamin, Ladophardetox Purebody,... đã được nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và được thị trường ưa chuộng.

Xác định đúng đắn chiến lược phát triển doanh nghiệp đi lên từ việc phát huy lợi thế cây trồng nông nghiệp và dược liệu tại địa phương, Công ty Ladophar luôn dựa trên nền tảng không ngừng đổi mới, sáng tạo đem đến sản phẩm và dịch vụ chất lượng. Việc chú trọng đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ tại doanh nghiệp đã góp phần vào thành công của Công ty, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quá trình hội nhập quốc tế, hoàn thành các mục tiêu sản xuất - kinh doanh đã đề ra và được ghi nhận qua những giải thưởng về chất lượng như: Giải vàng chất lượng quốc gia năm 2015; là 1 trong 3 doanh nghiệp Việt Nam được vinh danh tại Lễ trao giải Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương 2016 (GPEA). Năm 2017, Ladophar vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì, đây là ghi nhận sự đóng góp của tập thể người lao động Ladophar qua nhiều thế hệ và sự mạnh dạn đầu tư khoa học và công nghệ, đổi mới dây chuyền, cải tiến quy trình sản xuất tại đơn vị. ■

Sau 5 năm tiếp nhận quản lý và vận hành dây chuyền, cán bộ, công nhân viên Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng (Công ty) đã làm chủ công nghệ, tích lũy nhiều kinh nghiệm, duy trì nhà máy vận hành ổn định, công suất tăng dần qua các năm. Đến nay, Công ty đã đi vào giai đoạn tổ chức sản xuất ổn định, hoạt động của nhà máy đạt và vượt công suất thiết kế, chất lượng sản phẩm đạt chuẩn quốc tế, từng bước nâng cao chất lượng quản lý và vận hành. Năm 2018 là năm thứ 4 liên tiếp Công ty hoàn thành xuất sắc và toàn diện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, đạt nhiều thành tích đột phá, quan trọng và có ý nghĩa trên chặng đường xây dựng và phát triển, góp phần phát triển kinh tế địa phương và ngành công nghiệp Alumin của Việt Nam trên thị trường thế giới.

Để đạt được các thành công đó có một phần đóng góp rất lớn của hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tại đơn vị nhằm thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm; luôn nghiên cứu, học hỏi công nghệ của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, góp phần hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, tiết giảm chi phí tại đơn vị; tổ chức Hội đồng sáng kiến; xây dựng quy chế, quy định, chế độ hoạt động sáng kiến trong Công ty.

Để tổ chức các hoạt động sáng kiến, Công ty đã thành lập Hội đồng sáng kiến (HĐSK) theo Quyết định số 1439/QĐ-LDA ngày 08/12/2015, gồm Chủ tịch HĐSK là Tổng giám đốc Công ty; các Phó Chủ tịch là các Phó tổng giám đốc phụ trách và Chủ tịch Công đoàn; các Ủy viên là các trưởng phòng, ban, đơn vị trong Công ty.

Căn cứ theo các quy định của nhà nước và Tập đoàn trong hoạt động sáng kiến, Công ty đã ban hành Quy chế về tổ chức, quản lý hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật tại đơn vị theo Quyết định số 648/QĐ-LDA ngày 25/5/2017, trong đó nêu rõ quy định của tổ chức hoạt động sáng kiến; vai trò, trách nhiệm của tổ thẩm định hiệu quả sáng kiến mang lại; phân công các đơn vị bộ phận giúp việc trong HĐSK; nguyên tắc, chế độ làm việc của HĐSK; quy định về điều kiện, nội dung công nhận sáng kiến; quy trình quản lý và thực hiện sáng kiến; chi phí cho hoạt động sáng kiến, biểu mẫu, cách tính hiệu quả của sáng kiến;



HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CẢI TIẾN KỸ THUẬT GÓP PHẦN HỢP LÝ HÓA SẢN XUẤT, NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ HIỆU QUẢ CÔNG VIỆC

Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng

khen thưởng, kỷ luật; công tác tổng kết hoạt động sáng kiến thường kỳ của Công ty.

HĐSK của Công ty là tổ chức thường trực, họp thường kỳ trung bình 1 tháng/lần để tiến hành phê duyệt các ý tưởng, sáng kiến đăng ký mới, triển khai thực hiện; nghiệm thu công nhận các sáng kiến đã được áp dụng, theo dõi đánh giá và xét thưởng sáng kiến theo quy chế, quy định. Các thành viên trong HĐSK thường xuyên tổ chức họp kiểm tra công trường, phê duyệt ý tưởng và nghiệm thu sáng kiến sau khi được áp dụng để báo cáo HĐSK công nhận. Tất cả cuộc họp của HĐSK đều được lập biên bản và có các quyết định phê duyệt ý tưởng, nghiệm thu công nhận xét thưởng sáng kiến và được lưu trữ tại thường trực HĐSK và Công ty theo quy định.

Trong HĐSK, thành lập Tổ thẩm định hiệu quả của sáng kiến, có nhiệm vụ giúp tác giả lập các bảng tính hiệu quả và thẩm định, kiểm tra, phê duyệt trước khi trình HĐSK công nhận để làm cơ sở xét thưởng cho tác giả và người hỗ trợ sáng kiến (nếu có).

Các sáng kiến được các phòng, ban đánh giá trước; nếu không hiệu quả, sẽ được hủy đăng ký và có biên bản xác nhận. Các ý tưởng đăng ký được HĐSK kiểm tra, phê duyệt, đảm bảo phân tích đầy đủ tính hiệu quả, khả thi trước khi thực hiện.

Các sáng kiến tiêu biểu được HĐSK lập hồ sơ đăng ký tham gia các Hội thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật tại địa phương và cấp nhà nước. Trong năm 2017, HĐSK của Công ty đã lập báo cáo thuyết minh cùng các hồ sơ để đăng ký các sáng kiến tiêu biểu tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII (2016-2017) và



đã đạt giải 3. Đồng thời, được tỉnh lập hồ sơ gửi tham dự giải thưởng Hội thi Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Vifotec) lần thứ XIV, sáng kiến đã đạt giải 3, được triển lãm tại Cung Văn hóa Hữu nghị Việt Xô vào ngày 14/5/2018.

Các sáng kiến điển hình, có ý nghĩa đóng góp quan trọng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh

Sáng kiến cải tiến hệ thống bơm tuần hoàn đơn lẻ dòng đáy từng bồn lắng rửa khi dừng sản xuất Alumin

Sản xuất Alumin là ngành mới, ngành công nghiệp lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Do đó, trong quá trình vận hành, khó tránh khỏi những trục trặc kỹ thuật, mà việc thất thoát Natri hidroxit - NaOH (xút) và Alumin theo bùn đỏ bơm thải ra hồ bùn đỏ là một điển hình.

Để tránh tình trạng thất thoát xút và Alumin, nhanh chóng khôi phục lưu trình vận hành lại sản xuất, ổn định các chỉ tiêu kỹ thuật, giảm tiêu hao vật tư cần thiết như: xút, hơi, chất trợ lắng, nước...; đồng thời, không gây áp lực cho các hồ bùn đỏ, các tác giả đã cải tiến hệ thống bơm tuần hoàn đơn lẻ dòng đáy đối với từng bồn lắng rửa, tiến hành thay đổi lưu trình công nghệ bơm nối tiếp giữa các bồn lắng rửa ra hồ bùn đỏ theo thiết kế thành bơm tuần hoàn dòng đáy của từng bồn lắng rửa không bơm thải ra hồ bùn đỏ khi dừng sản xuất Alumin. Thực hiện phương pháp bơm tuần hoàn dòng đáy các bồn lắng rửa, các tác giả lắp đặt thêm đường ống cấp dòng đáy của từng





bồn vào đỉnh của chính bồn đó; trên hệ thống đầu nối với bơm dòng đáy của từng bồn bùn đỏ và có các van đóng mở điều tiết, định hướng dòng bơm tuần hoàn. Với giải pháp bơm tuần hoàn, lượng bùn của từng bồn, lượng vật chất trong các bồn ở công đoạn lắng rửa được bảo toàn, không phải bơm bùn đỏ ra hồ bùn đỏ, gây thất thoát xút và Al_2O_3 , các chỉ tiêu công nghệ khác không thay đổi, không xảy ra hiện tượng lắng, đóng bám của từng bồn bùn đỏ, có các van đóng ở đáy bồn và đường ống, không phải cấp nước rửa đầy vào các bồn rửa trước khi vận hành lại lưu trình sản xuất. Giải pháp này đã làm giảm lượng xút, Al_2O_3 thất thoát khi bơm thải ra hồ bùn đỏ trong thời gian dừng sản xuất Alumin, giúp Công ty tiết kiệm gần 4 tỷ đồng/năm. Ngoài ra, trong sản xuất, lợi ích sáng kiến mang lại góp phần giảm tiêu hao xút từ 68 kg/tấn Alumin (năm 2016) xuống 35,5 kg/tấn Alumin (năm 2017). Qua đó, giá thành mỗi tấn Alumin sẽ giảm khoảng 100 ngàn đồng.

Sáng kiến này đã đạt giải 3 tại Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng lần thứ VIII (2016-2017) và giải 3 tại Hội thi Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt Nam lần thứ XIV, năm 2018.

Sáng kiến lắp đặt tuyến ống đưa nước từ hồ thải quặng đuôi số 6 về Nhà máy tuyển rửa quặng bằng phương pháp tự chảy phục vụ sản xuất

Trước đây, Nhà máy tuyển rửa quặng của Công ty phải bổ sung nước mới từ hồ Cai Bằng để rửa quặng, lượng nước mới tiêu hao khoảng 4,3 m³/tấn quặng tinh. Trung bình, mỗi năm, Nhà máy tuyển quặng sản xuất khoảng 1,8 triệu tấn quặng tinh sẽ phải bơm bổ sung khoảng 7,3 triệu m³ nước mới.

Theo thiết kế, hồ thải quặng đuôi số 6 với cao trình đỉnh đập là + 870 m, trong khi đó cao trình bề nước bổ sung và bể tuần hoàn nhà máy tuyển là + 844 m, độ cao chênh lệch là 26 m. Tận dụng điều kiện địa hình, địa mạo khu vực công trình, Công ty đã có sáng kiến lắp đặt tuyến ống dẫn nước từ hồ số 6 về Nhà máy tuyển bằng phương pháp tự chảy thay thế cho việc bơm nước từ hồ Cai Bằng vào tháng 5/2018. Đồng thời, nước thải bùn trong hồ số 6 được sử dụng tuần hoàn, không phải thải ra hồ Cai Bằng, giúp giảm xả thải ra môi trường.

Chi phí thi công xây dựng cho công trình này dự kiến khoảng 1,5 tỷ đồng, thời gian sử dụng có thể kéo dài đến hết thời gian sản xuất của Nhà máy tuyển. Sáng kiến giúp tiết kiệm chi phí điện

năng cho hệ thống bơm; giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế định kỳ; giá trị làm lợi dự kiến khoảng 4,2 tỷ đồng/năm. Công ty sẽ lập hồ sơ sáng kiến này để tham dự Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh và Giải thưởng Sáng tạo Khoa học - Công nghệ Việt Nam lần thứ 15.

Một số bài học kinh nghiệm

Do sản xuất Alumin là một ngành công nghiệp mới, tiên phong trên cả nước nên bước đầu gặp nhiều khó khăn trong việc vận hành, làm chủ công nghệ. Hoạt động sáng kiến được phát động từ những ngày đầu đi vào hoạt động, vận hành sản xuất. Trong những năm đầu, việc triển khai hoạt động sáng kiến cũng gặp nhiều khó khăn, từ đó rút ra nhiều bài học kinh nghiệm để có sự thành công của ngày hôm nay, góp phần vào phát triển sản xuất, kinh doanh của đơn vị.

Do công nghệ còn rất mới, dây chuyền hoạt động liên tục không thể dừng để sửa chữa, khắc phục tại bất kỳ công đoạn nào nên một sai lầm nhỏ có thể dẫn đến hậu quả lớn, ảnh hưởng đến sản xuất, công nghệ, chất lượng sản phẩm. Từ năm 2016 trở về trước, HĐSK tại đơn vị được thành lập và họp 1-2 lần/năm, để tổng kết, nghiệm thu các sáng kiến đăng ký thực hiện. Các phương án sáng kiến được áp dụng đạt hiệu quả sẽ được nghiệm thu mà không cần xem xét, phê duyệt từ ý tưởng ban đầu để HĐSK, các phòng, ban chuyên môn phân tích, đánh giá tính hiệu quả, rủi ro, hạn chế khi áp dụng sáng kiến. Thực tế đã có một vài sáng kiến được triển khai nhưng do HĐSK chưa phân tích, đánh giá hiệu quả, rủi ro trước khi áp dụng nên đã xảy ra các sự cố ảnh hưởng đến dây chuyền sản xuất hoặc phương án triển khai sáng kiến chưa tối ưu, chưa đảm bảo an toàn.

Để giải quyết vấn đề đó, trong năm 2018, Công ty đã ban hành lại quy chế hoạt động sáng kiến tại đơn vị và bổ sung bước phê duyệt ý tưởng trước khi thực hiện sáng kiến, đồng thời giao cho các phòng, ban chuyên môn hoặc thuê đơn vị tư vấn chuyên môn để phân tích, hoàn thiện ý tưởng, đảm bảo hiệu quả, không để xảy ra rủi ro trước khi áp dụng sáng kiến và cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Mặt khác, HĐSK tổ chức họp thường kỳ để kịp thời phê duyệt các ý tưởng mới, xử lý các vướng mắc, tồn tại trong sản xuất, nghiệm thu, khen thưởng kịp thời cho các tác giả. Từ đó, hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của Công ty ngày càng phát huy, góp phần phát triển sản xuất, kinh doanh của đơn vị trong các năm qua. ■



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA - CƠ HỘI ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO

PHẠM VĂN DUẬT

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Hiện nay, tại Việt Nam có khoảng 30 giải thưởng của các cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương tổ chức nhằm tôn vinh, tặng thưởng các giải thưởng liên quan đến doanh nghiệp, doanh nhân như Sao vàng Đất Việt, Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu... Tuy nhiên, Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) là giải thưởng được tổ chức xét tặng dựa trên căn cứ pháp lý của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật chặt chẽ, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế; là giải thưởng uy tín, duy nhất về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định và tổ chức trao tặng hàng năm. GTCLQG được thiết lập, triển khai trên cơ sở chấp nhận mô hình và 7 tiêu chí của Giải thưởng Malcolm Baldrige (MBA) - GTCLQG của Hoa Kỳ, đã được nhiều nước trên thế giới coi là mô hình chuẩn để nghiên cứu, học tập và xây dựng thành GTCLQG của mình. GTCLQG nằm trong hệ thống Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (GPEA) do Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (APQO) thiết lập. GTCLQG nhằm tôn vinh các tổ chức, doanh nghiệp xuất sắc của Việt Nam, qua đó xây dựng, quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế; tăng cường năng lực và khả năng cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp thông qua việc cải tiến và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; xây dựng văn hoá, phong trào và các đột phá về năng suất, chất lượng trong các tổ chức, doanh nghiệp nhằm đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, xã hội của đất nước, nâng cao khả năng hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.



7 tiêu chí của GTCLQG gồm:

- Vai trò của lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp;
- Chiến lược hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp;
- Chính sách định hướng vào khách hàng và thị trường;
- Đo lường, phân tích và quản lý tri thức;
- Quản lý, phát triển nguồn nhân lực;
- Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp;
- Kết quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

Với mỗi tiêu chí sẽ có các yêu cầu để đánh giá và so sánh. Do đó, doanh nghiệp khi tham gia GTCLQG sẽ tự đánh giá hoạt động của mình so với các yêu cầu tại các tiêu chí của giải thưởng, qua đó doanh nghiệp sẽ rà soát và hoàn thiện quy trình quản trị doanh nghiệp giúp quản lý tốt hơn, giảm chi phí, lãng phí trong hoạt động và tăng năng suất, chất lượng cũng như hiệu quả hoạt động của đơn vị mình. Đồng thời, doanh nghiệp sẽ nhận được những ý kiến đóng góp cải tiến của chuyên gia, hội đồng đánh giá giúp doanh nghiệp có cái nhìn khách quan và toàn diện về hoạt động của đơn vị. Các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải Vàng chất lượng quốc gia sẽ tạo ra hệ thống quản trị doanh nghiệp tiên tiến, nề nếp, tạo giá trị khác biệt trong sản xuất, kinh doanh và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế chung của khu vực và thế giới.



Việc đánh giá các hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện bởi cấp lãnh đạo thông qua chiến lược, kế hoạch hoạt động, trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, cộng đồng và người lao động. Qua đó, khách hàng cũng được quan tâm một cách thấu đáo qua việc áp dụng các hệ thống quản lý. Tất cả các quá trình đều được kiểm soát tạo nên chuỗi các hoạt động nhịp nhàng, có bằng chứng và minh bạch trong đơn vị, tạo nên sự phát triển bền vững. Và điều quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp là việc tổ chức các hoạt động đều thể hiện ở kết quả của sản phẩm, quản lý nguồn nhân lực, sự lãnh đạo, khách hàng và thị trường...

Để hiện thực hóa mục tiêu của GTCLQG, từ năm 2004 đến nay, tỉnh Lâm Đồng đã thường xuyên tuyên truyền, tập huấn và vận động doanh nghiệp tham gia. Kết quả, đến nay, đã có 23 lượt doanh nghiệp tham gia và đạt GTCLQG và quốc tế, trong đó có những doanh nghiệp nhiều lần nhận GTCLQG như Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng, Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng,... Điển hình có 2 doanh nghiệp đã đạt giải Vàng (Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Bình Điền Lâm Đồng); 1 doanh nghiệp đạt Giải thưởng châu Á - Thái Bình Dương (Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng).

Thông qua việc tham gia GTCLQG đã giúp doanh nghiệp xem xét, đánh giá một cách tổng thể các hoạt động và kết quả của doanh nghiệp theo các chuẩn mực của tiêu chí giải thưởng; đồng thời, đo lường một cách toàn diện, mang tính hệ thống các điểm mạnh và cơ hội cải tiến cho doanh nghiệp, định hướng cho doanh nghiệp xây dựng và thực thi các kế hoạch hành động khả thi trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, từ đó giúp doanh nghiệp cải tiến và phát triển bền vững. Với đặc thù doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đa phần là doanh nghiệp nhỏ, hoạt động theo



quy mô hộ gia đình là chủ yếu, do đó việc tham gia GTCLQG chính là cơ hội giúp doanh nghiệp có thể đánh giá toàn diện hoạt động của mình, thông qua đó giúp hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực trong nền kinh tế hội nhập sâu rộng hiện nay.

Trong năm 2019, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng tiếp tục tuyên truyền, vận động và hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia giải thưởng với kinh phí hỗ trợ khoảng 25 triệu đồng. Khi doanh nghiệp có nhu cầu tham gia sẽ được tập huấn về các tiêu chí của GTCLQG, hướng dẫn viết báo cáo tham dự và tổ chức xét duyệt, tuyển chọn để đề nghị Hội đồng GTCLQG công nhận.

Doanh nghiệp có nhu cầu tìm hiểu, hỗ trợ tham gia GTCLQG xin vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng

Địa chỉ: 18 Trần Phú, phường 3, Đà Lạt

Điện thoại: 02633.532247

Fax: 02633.827508,

Email: pqltcccl@lamdong.gov.vn. ■

HỘ THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học và công nghệ phục vụ doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ xuất bản định kỳ **Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng** (4 số/năm, 32 trang/số).

Rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các tác giả, sự quan tâm của các đơn vị, doanh nghiệp và bạn đọc.

Địa chỉ liên hệ: Bản tin Khoa học Công nghệ & Doanh nghiệp Lâm Đồng

Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ

Số 35 Trần Hưng Đạo, phường 10, Đà Lạt

Điện thoại: 0263. 3545479 - 3833163

Email: trungtamthongtinld@gmail.com

Website: <http://lamdongdost.gov.vn>

Một số sản phẩm đặc trưng của

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Cung cấp giống và chuyển giao công nghệ nuôi trồng

NẤM ĂN, NẤM DƯỢC LIỆU



NẤM BÀO NGŨ VUA
(*Pleurotus eryngii*)



NẤM HƯƠNG
(*Lentinula edodes*)



NẤM BÀO NGŨ NHẬT
(*Notaky*)



NẤM TRÀ TÂN
(*Agrocybe aegerita*)



NẤM HẦU THỦ
(*Hericium erinaceus*)



NẤM LINH CHI ĐỎ ĐÀ LẠT
(*Ganoderma lucidum*)

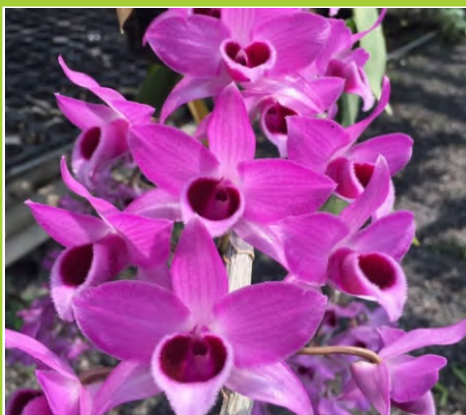


NẤM LINH CHI ĐEN
(*Amauroderma subresinosum*)



ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO
(*Cordyceps militaris*)

RAU, HOA VÀ CÂY ĂN QUẢ



PHONG LAN RỪNG (*Dendrobium* spp.)



HOA ĐỊA LAN (*Cymbidium* spp.)



PHÚC BỒN TỬ (*Rubus idaeus*)



CHUỐI LABA, TÍM (*Musa* spp.)

CÂY DƯỢC LIỆU



LAN GẤM
(*Anoechtilus roxburghii*)



CÂY ATISÔ
(*Cynara scolymus*)



ĐĂNG SÂM
(*Codonopsis javanica*)

Cứ đến dịp 26/4 hàng năm, chúng ta cùng nhau kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới để tìm hiểu về vai trò của sở hữu trí tuệ trong việc khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Nhanh hơn, mạnh hơn, cao hơn! Động lực thách thức khả năng bản thân, sự hồi hộp và lo lắng mà những cuộc tranh tài đem lại khi chúng ta chứng kiến những con người bình thường đạt được những thành tích phi thường, để thổi bùng lên niềm đam mê của chúng ta với thể thao từ hàng nghìn năm qua.

Lễ kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm nay - Đường tới Huy chương Vàng - sẽ nhìn nhận sâu sắc hơn về thể thao thế giới, khám phá cách thức mà đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ hỗ trợ sự phát triển và sự tận hưởng thể thao trên khắp thế giới.

Các giá trị chung của thể thao là sự xuất sắc, tôn trọng và tinh thần fair-play đã tạo nên sức hấp dẫn của thể thao trên toàn cầu. Ngày nay, nhờ những tiến bộ trong công nghệ phát thanh và truyền thông, bất cứ ai, ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi các sự kiện thể thao suốt ngày đêm, xem các trận thi đấu của các vận động viên, các đội mà mình yêu thích ngay tại nhà.

Lễ kỷ niệm năm nay là dịp để tôn vinh những huyền thoại thể thao và tất cả những người đang sáng tạo phía sau hậu trường để nâng cao thành tích thi đấu cũng như làm tăng sức hấp dẫn của thể thao trên toàn thế giới.

Hãy cùng chúng tôi tôn vinh sức mạnh của thể thao để lôi kéo và truyền cảm hứng, để đổi mới và đoàn kết tất cả chúng ta trong việc nâng cao những giới hạn của con người.

Hãy cho chúng tôi biết về những thần tượng thể thao của bạn và những đổi mới trong thể thao mà bạn yêu thích, hãy cùng chia sẻ quan điểm của bạn về tương lai của thể thao.

WORLD IP DAY 2019



Going for gold: IP and Sports